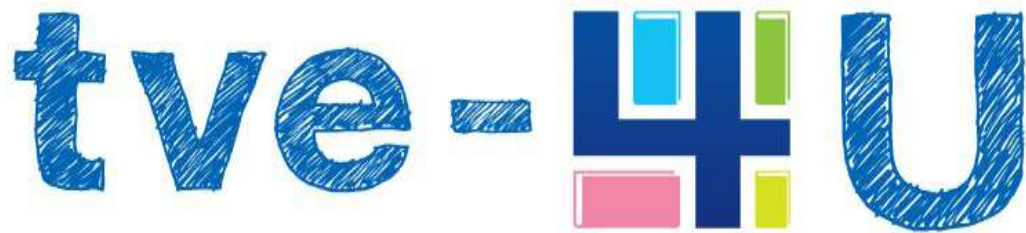


LÊ VĂN - NỮ

LU'OC-KHAO
VIỆT-NGŨ'



Editions
ALEXANDRE de RHODES
HANOI



CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Tên sách : LƯỢC-KHẢO VIỆT-NGỮ

Tác giả : LÊ VĂN NỤU

Nhà xuất bản : Editions ALEXANDRE de RHODES

Năm xuất bản : HANOI 1942

Nguồn sách : tusachtiengviet.com

Đánh máy : vevekawaii

Kiểm tra chính tả : Dương Văn Nghĩa, Nguyễn Phát An,
Vũ Thị Xuân Hương

Biên tập chữ Hán – Nôm : Trần Tú Linh, Đỗ Văn Huy

Biên tập ebook : Thư Võ

Ngày hoàn thành : 25/07/2018

**Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận « SỐ HÓA 1000
QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG BÓNG » của diễn đàn TVE-
4U.ORG**

**Cảm ơn tác giả LÊ VĂN NỮU và nhà xuất bản ALEXANDRE de
RHODES đã chia sẻ với bạn đọc những kiến thức quý giá.**

MỤC LỤC

TỰA

I. GIỚI-HẠN VẤN-ĐỀ

II. TIẾNG VIỆT-NAM VỀ QUÁ-KHỨ

III. SINH-LỰC TIẾNG VIỆT-NAM VÀ NHỮNG NGUYÊN-NHÂN GIÚP SỨC PHÁT-TRIỂN CỦA NÓ Ở HIỆN-TẠI

IV. NHỮNG PHƯƠNG-PHÁP LÀM GIÀU THÊM TIẾNG

V. VẤN-ĐỀ SỬA ĐỔI CHỮ QUỐC NGỮ

VI. VẤN-ĐỀ XÁC-ĐỊNH VĂN-TỰ VÀ THỐNG-NHẤT NGỮ-NGÔN

VII. MỘT THỂ VĂN XUÔI VIỆT-NAM

VIII. KHÁI-LUẬN VỀ VĂN-HỌC VIỆT-NAM HIỆN-ĐẠI

IX. MỘT QUỐC-GIA VĂN-HỌC-VIỆN VIỆT-NAM

X. QUỐC-VĂN VÀ HÁN-VĂN TRONG CHƯƠNG-TRÌNH GIÁO-DỤC

XI. KẾT-LUẬN

LÊ VĂN NỤU
LƯỢC-KHẢO VIỆT-NGŨ



Editions ALEXANDRE de RHODES
HANOI
1942

**CABINET CIVIL
DE SA MAJESTÉ
L'EMPEREUR D'ANNAM
Le Ministre
Directeur du Cabinet**

TỰA

Năm trước báo *Patrie annamite* ở Hanoi có mở cuộc thi một bài luận văn bằng chữ Pháp về vấn-đề quốc văn. Tôi có chân trong hội-đồng khảo duyệt.

Bài luận văn của ông Lê-văn-Nữu được trúng-cách, cùng với ba bốn bài nữa.

Ông đã cho in thành sách, nhờ tôi đề tựa. Nay lại dịch ra quốc-văn xuất-bản lần nữa, cũng cậy tôi viết mấy lời trên đầu sách.

Tôi lại vui lòng nhận một lần nữa, vì tôi bình sinh một lòng thờ quốc văn, phạm công-việc quan hệ đến quốc-văn, tôi vẫn thiết-tha lấy làm phận-sự.

Tôi cúc-cung tận-tụy với quốc-văn, tin rằng *quốc-văn* là cái lợi-khí độc nhất vô-nhi để đoàn-luyện *quốc-hồn*, bảo-tồn *quốc-túy*.

Có hồi thiên-hạ túy-tâm về những chủ-nghĩa đau đầu, cơ-hồ đã xao-lãng những điều cốt-yếu đó.

Nay thì ai ai cũng hiểu rõ rằng nước không có quốc-hồn là nước suy-nhược, nước không có quốc-túy là nước bại-vong, nước không có quốc-văn để duy-trì lấy hai mối đó là nước đến ngày tiêu-diệt.

Một nước đã sản-xuất được một áng quốc-văn tốt-đẹp tinh-túy như truyện *Kiêu*, là nước không thể tiêu-diệt được.

Cho nên năm xưa tôi có câu nói : « Truyện *Kiêu* còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn ».

Muốn cho nước ta còn thì tiếng ta phải còn, mà tiếng ta không thể mất được, vì trước kia đã sản-xuất được truyện *Kiêu*, sau này còn có thể sản xuất được trăm nghìn kiệt-tác nữa.

Tôi đốt hương cầu nguyện cho tiền-đồ quốc-văn được vẻ vang rực-rỡ vậy.

Nay tựa

*Viết tại nhà biệt-thự « Hoa-đường »
trên sông An-cựu gần Kinh-thành Huế,
ngày 17 tháng 2, niên-hiệu Bảo-đại thứ 17*

Giáo-dục bộ Thượng-thư

PHẠM QUỲNH

I. GIỚI-HẠN VẤN-ĐỀ

Vấn-đề tiếng Nam ở vào trong phạm-vi một vấn-đề rộng-rãi hơn, phức-tạp hơn – sự tiến-hóa của dân-tộc Việt-Nam. Ngày nay vấn-đề ấy tuy không khẩn-cấp cho mọi vấn-đề về kinh-tế, hay chính-trị, nhưng trái lại nó có tính-cách phổ-thông hơn hết. Thật vậy, đang khi những phong-trào tư-tưởng mới phôi-thai, cùng những quyền-lợi kinh-tế, hầu gây nên những mối phân-tranh mâu-thuẫn trong xã-hội, thì vấn đề ngôn-ngữ vẫn giữ được tính-cách quốc-gia hoàn-toàn. Vì tất cả người Việt-Nam quan tâm đến tương-lai đất nước, đối với vấn-đề này, đều mang quan-niệm chung, dầu ở địa-vị nào cũng vậy.

Vài mươi năm trở lại đây, số xuất-bản bằng quốc-văn ngày càng nhiều. Các hàng sách, các tòa báo ; các nhà in đua nhau xuất hiện. Sách và báo chí quốc-ngữ chẳng những được người có học thức hoan nghênh, mà ngày càng phổ cập trong dân chúng, đem lại cho mọi người những tư tưởng cùng sự kiện hằng ngày. Thế đủ tỏ quốc dân ta đã quen đọc quen xem tin tức bằng tiếng nói của mình. Lại cùng một chứng cứ cho ta nhận thấy rằng phái trí thức trong nước đầu thuộc về cựu học hay tân học đều đã quan tâm đến vận mệnh tiếng nước nhà một cách sốt sắng vậy.

Bắt đầu trong xã hội mới nhóm thành một phái thượng lưu phụng thờ cây bút sắt, tuy không có vẻ thanh-cao thuần túy cho bằng, nhưng lại hoạt-động và táo bạo hơn phái thượng-lưu xưa mà họ đã dần dần thay thế. Trong hàng ngũ của các văn-sĩ thi-sĩ cùng các nhà viết báo mới ra đời, những kẻ đem tài năng làm việc cho *tiếng mẹ đẻ* chiếm phần đông. Tuy không phải ai ai cũng đã làm nên những văn-nghiệp rực rỡ, hay đạt tới mục đích vinh quang nhưng phần nhiều sinh hoạt một cách đầy đủ phong lưu và được công chúng yêu chuộng, nếu họ là những kẻ đã lành nghề hay biết tận tâm về nghệ-thuật.

Một tiếng nôm na từ xưa bị khinh rẻ nay bỗng thấy mở rộng cửa các học đường, và được liệt vào các chương-trình học-khóa. Từ nay các trẻ Việt-Nam được học vỡ lòng bằng tiếng nói Việt-Nam. Tiếng nói mà chúng đã

quen nghe từ khi còn măng sữa, sẽ gọi trong trí chúng biết bao hình ảnh êm đềm ngày thơ ấu, khiến chúng biết yêu mến gia-đình, và mai sau yêu mến tổ-quốc. Như thế chúng nó khỏi phải tiếp-xúc ngay với một tiếng nói ngoại-quốc dẫu hay đẹp bậc nào, nhưng đối với chúng vốn không quen-thuộc gì và bắt những đầu óc non-nớt phải mệt nhọc khó khăn nhiều mới bập-bẹ được năm ba tiếng.

« Tiếng Nam chỉ là một thổ-ngữ không giá trị ». Chúng ta đã cách xa thời kỳ mà một người Việt-Nam có học-thức, đã thành thực thốt ra câu nói ấy ? Chỉ mới cách đây vài ba mươi năm, hai ba tờ báo chí quốc-âm đầu tiên xuất hiện, do một nhóm những kẻ thức thời đề xướng lên bênh vực và cố-động cho tiếng nói nước nhà. Thế mà họ đã mở đường cho một phong trào văn-học càng ngày càng thịnh như hiện thời chúng ta trông thấy.

Ấy đó, trong khoảng non phần tư thế kỷ, tiếng Việt-Nam nhà đã chiếm một địa-vị chưa có trên hai ngàn năm lịch sử.

Kết-quả đầu tiên ấy khiến cho chúng ta phấn khởi, nhưng không nên vì thế mà vội tưởng lầm sự nỗ-lực của đồng-bào ta trên đường tân-tạo ấy chưa có thể đem so-sánh với công-trình vĩ đại của các văn-gia Pháp về thời-kỳ văn-ngệ Phục hưng (thế-kỷ thứ 15, 16) là những kẻ đã trau dồi Pháp-ngữ được hoàn thiện như ngày nay. Thế-hệ chúng ta chưa có một thi-sĩ thiên tài như Mistral đã đem tiếng nói mộc-mạc của miền nam nước Pháp đào tạo nên một ngôn-ngữ văn-chương rất giá trị.

Tương-lai tiếng nước ta còn trông cậy ở *công-phu* của chúng ta hơn là ở các đàn anh trước. Tiên-trình tuy rộng-rãi nhưng cũng đầy nổi khó khăn. Đứng trước sự *hoan-nghênh* náo nhiệt của thanh-niên Việt-Nam ta đối với văn hóa cùng tiếng Pháp – một sự hoan-nghinh rất dễ hiểu – đứng trước tình-thế chính-trị của nước nhà, bắt-buộc chúng ta hằng ngày cần dùng tiếng Pháp, trong sự bênh vực quyền-lợi hay phát biểu tư-tưởng của chúng ta, lẽ tất-nhiên chúng ta có ít nhiều lo-ngại cho tương-lai tiếng nước ta vậy.

Tương lai ấy sẽ ra thế nào ? Tiếng Việt-nam có thể trở nên một ngôn-ngữ có đủ tính-cách khoa-học, triết-học, văn-chương hay không ? Và nếu có

thể thì cần những điều-kiện gì mới thành công được. Một câu hỏi lớn-lao quan hệ như thế, tưởng những nhà ngữ-học cùng phê-bình văn-học còn phải dày công nghiên-cứu mới trả lời được một cách xác-đáng.

Không phải là nhà chuyên-môn hay bác-học, chúng tôi chỉ xin trình-bày những điều nhận-xét thiển-cận mà không dám bảo tự mình đã phát-minh được hết. Vì nội-dung quyển sách này phần nhiều là sưu-tập những tài-liệu hiện còn tản-mác trong các loại sách và báo chí đã bàn đến vấn-đề tiếng Nam, đem làm thành một hệ-thống hãn hoi để hiến cho học-giả trong nước.

II. TIẾNG VIỆT-NAM VỀ QUÁ-KHỨ

Xét về phương-diện phát biểu văn-chương và tư-tưởng, thì tiếng Việt-Nam trong khoảng thế-kỷ thứ 18 về trước không lấy gì làm vẻ-vang cho lắm.

Sự sút kém ấy có những nguyên nhân về lịch-sử mà chúng ta sẽ xét đến sau này. Nhưng một sự hiển-nhiên là tiếng Việt-Nam xưa nay vẫn sống, vẫn là tiếng chung cho cả một dân-tộc, từ xưa đến nay, từ Nam chí Bắc. Cứ xem những câu tục-ngữ xưa và những câu ca-dao tương-truyền là có từ hồi dân ta mới lập-quốc, như câu :

*« Nhiều điều phải lấy giá gương,
Người trong một nước thì thương nhau cùng »*

lại xem cách ăn nói trong khắp cõi ba kỳ ngày nay, chúng ta nhận thấy tiếng Việt-Nam rất có vẻ thuần-nhất. Nếu ngôn-ngữ là phản-ảnh sự tiến-hóa của một dân-tộc, và phát-triển theo nhu-cầu của sự giao-tế trong xã hội, thì tiếng Việt-Nam từ xưa vẫn làm tròn chức-vụ ấy. Tuy vẫn giữ nguyên cốt-cách bên trong, nó đã theo thời-gian mà biến-hóa dần dần, càng ngày càng phong-phú để ứng-phó với sự sinh-hoạt hằng ngày.

Ảnh-hưởng của văn-hóa người Tàu thuở trước, mà họ đã đưa qua xứ ta theo với sức đàn-áp bằng võ-lực và chánh-trị, rất đổi sâu-xa, nhưng tiếng nói của ta không vì thế mà mai một đi, đủ chứng rằng tự nó có một sinh lực rất mạnh-mẽ.

Nhưng trước khi chỉ rõ về hiện tại và tương-lai, những nguồn gốc của sinh-lực ấy, chúng ta hãy xét qua lịch-trình tiến-hóa của tiếng ta về quá-khứ, sự phán-đoán của chúng ta sau này căn-cứ vào lịch-sử sẽ có giá trị hơn.

Chúng ta đã biết gì về tiếng ta trước thời-kỳ Bắc-thuộc ? Thực ra, vấn-đề cổ-rẻ tiếng Nam vẫn còn mờ tối, các nhà ngữ học nghiên-cứu đã nhiều nhưng vẫn chưa khám-phá đến nơi. Nay xem sự thành-công lanh-chóng của chữ Hán ngay từ khi mới du nhập vào xứ ta, và ảnh-hưởng sâu-xa của Hán-

học trong sự đào-luyện tinh-thần dân tộc ta từ đó, cùng là sự tôn-sùng của người đời sau đối với các quan cai-trị Tàu đã có công giáo-hóa dân ta như Sĩ-Nhiếp được tôn thờ là Sĩ-tiên-vương – thì chúng ta có thể đoán rằng tiếng ta trước hồi Bắc-thuộc hẳn còn thô-sơ lắm, chẳng qua là ngữ-ngôn của một bộ-lạc vừa mới di-cư đến một lãnh-thổ và bắt đầu sống yên cái đời nông-dân của họ.

Nguyên-lai tiếng nói ấy cũng đã phức-tạp lắm rồi. Đời nọ trải qua đời kia, tiếp-xúc với những dân-tộc lân-cận nên đã vay mượn tiếng lẫn nhau. Cho đến ngày nay tiếng nói của ta hầu hết phần nửa là lai Tàu, và một số ít hơn gồm những tiếng mượn của các dân Thái, Thổ, Mường, Bahnars, Polynésiens, không kể tiếng Pháp và ít nhiều tiếng ngoại-quốc mới nhập-tịch gần đây.

Dân ta ngày xưa đã có một văn-tự riêng hay không ?

Ở đây cũng thế, không một dấu-vết gì của thời xưa đem lại cho ta một câu trả lời chắc-chắn. Nếu ta cho rằng các dân Mường ở miền thượng-du Bắc-kỳ và phía bắc Trung-kỳ ngày nay đã cùng với dân-tộc ta đồng thời xuất hiện trên lịch-sử, thì chúng ta có thể đoán rằng ngày xưa ta cũng đã có một thứ chữ viết giống như chữ của dân Mường ngày nay. Nhưng thứ chữ ấy chắc không được tiện-lợi và phổ-thông, nên không bao lâu đã bị tiêu-diệt trước thế-lực của chữ Hán, ngay từ khi nước ta bị người Tàu chinh-phục. Nhưng trải qua một đoạn lịch-sử hẳn còn mờ-mịt ấy, và khi bước vào thời-kỳ Bắc-thuộc (111 trước Thiên Chúa giáng sinh) người Việt-Nam đã bắt đầu có tính-cách một dân-tộc hoan-bị. Theo thuyết ông L. Aurousseau, trường Viễn-đông bác-cổ, thì người Việt-Nam xưa kia là giòng giống người Bách-Việt chiếm cứ miền Triết-giang bên Tàu, về đời Xuân-thu (333 tr. T.C.g.s.) sau khi bị người nước Ngô đánh vỡ, người Việt phải chạy tán-lạc về phương nam, rồi một nhánh lần-lần vào miền trung-châu xứ Bắc-kỳ. Nếu thuyết ấy là đúng, thì lớp sóng di-dân đầu-tiên ấy chắc đã hỗn-hợp với các dân-thổ ở đó và lâu đời đã hóa thành một dân-tộc thuần-nhất. Kịp đến vài ba thế-kỷ sau, khi người Tàu trở lại chinh-phục xứ ta, thì người Việt-Nam đã bắt đầu lập thành một quốc-gia, và nhất là đã có một ngôn-ngữ thành-thục lắm rồi.

Một chứng-cớ là sau khi nước ta đã ở dưới quyền đô-hộ người Tàu, bao nhiêu văn-tự và ngôn-ngữ của họ tràn vào xứ ta vẫn không làm mất được vẻ thuần-nhất của tiếng nói dân-tộc ta tự bao đời hun-đúc nên. Nó chỉ làm giàu thêm một ngôn-ngữ đã có qui-định hẳn-hoai mà sự phát-triển sẽ theo con đường nam-tiến của dân-tộc ta bành-trướng mãi mãi.

Tuy vậy ảnh-hưởng của Trung-quốc đối với ngôn-ngữ cũng như đối với lịch-sử nước ta vẫn là sâu-đậm.

Là một dân-tộc có một nền văn-minh tối-cổ, và được Lịch-sử trao cho cái sứ-mệnh truyền bá văn-minh khắp cõi Á-đông, cũng như người Hy, La, trên bờ Địa trung-hải, người Tàu đã đem học-thức và kinh-nghiệm của họ gieo rắc đến những địa-vực rất xa. Dân-tộc Việt-Nam cũng như các dân-tộc Âu-châu ở thời kỳ La-mã toàn-thịnh đã hấp thu cái văn hóa của kẻ chiến thắng.

Trong những quan-lại người Tàu sang cai-trị xứ ta có lắm kẻ tuần lương như Nhâm Diên và Tích Quang đã có công khai-hóa dân ta, hoặc dạy dân bằng lễ nghĩa Trung quốc, hoặc bày vẽ cho người mình biết dùng nông khí để cày bừa. Nhưng người có công lớn trong việc truyền-bá học-thuật Trung-quốc sang xứ ta là Sĩ Nhiếp (187-226) đương thời làm Thái-thú quận Giao-chỉ. Ông ấy là một nhà nho học uyên bác, nên nhờ ông mà việc học ở nước ta được mở mang hơn trước nhiều.

Với thời-kỳ Bắc-thuộc, cái văn-hóa tối-cổ của người Tàu đem lại cho ta đó, đã nhuần-thấm trong não-chất của người mình. Và cũng từ đó, nước ta về chính-trị cũng như về các phương-diện khác đã sát-nhập hẳn vào cái « thế-giới Trung-hoa ». Bản-chất người mình vốn thông-minh, lại ham học ham biết, có tư-cách đồng-hóa rất giỏi nên hấp-thụ văn-hóa nước Tàu một cách nhanh-chóng.

Tương-lai tiếng ta cũng vì thế mà có liên-lạc mật-thiết với chữ Hán. Một kết-quả tốt-đẹp là tiếng ta được giàu thêm lên với một gia-tài quý-báu tức là tiếng Hán-Việt.

Nói đến tiếng Hán-Việt chúng ta không thể không nhớ đến tổ-tiên ta đời trước học chữ Tàu, tiếng Tàu nhưng dần dần đọc trại ra, khiến biến theo thanh-âm, cung-bậc của tiếng ta và nhân-thế, để lại cho ta một kho tiếng rất tao-nhã phong-phú. Kết-quả là chữ Tàu có bao nhiêu là ta có bấy nhiêu tiếng Hán-Việt có thể đem dùng vào tiếng nói hằng ngày của chúng ta. Đó là trường-hợp có một không hai trong lịch sử các tiếng nói trên hoàn-cầu vậy.

Song le cái của quý-báu ấy xưa kia chưa từng được đem ra ứng-dụng một cách xứng-đáng với giá-trị của nó. Phải đợi đến ngày nay chúng ta mới nhận-thực rõ-ràng về giá-trị tiếng Hán Việt trong việc đào-tạo quốc văn. Người nước ta khi bắt đầu học chữ Hán là vì tình-thế bắt-buộc, nhưng sau là vì ham chuộng, vì kính mộ đạo thánh-hiền. Đã thế mà học đạo thánh-hiền, theo ý tiên-nhân ta, tất phải học chữ nho mới được. Nói một cách khác, tức là chủ-trương rằng muốn hấp-thụ một văn-hóa nào, tất phải học thứ văn-tự đã sản-xuất ra văn-hóa ấy. Vì vậy, chữ Tàu mới được lên cái địa-vị tối-cao là « chữ của ông Thánh ». Một lý-do khác là khi người nước ta bắt đầu theo Hán-học trình-độ tiếng ta chưa đủ để phiên dịch các sách chữ Nho. Không như người Tàu khi du-nhập Phật-giáo của Ấn-độ thì họ có thể dịch ngay tiếng phạn ra chữ Hán...

Nói tóm lại, hết thời-kỳ Bắc-thuộc đến đời nhà Trần (thế-kỷ 13) trong khoảng một ngàn ba bốn trăm năm, người tri-thức nước ta chỉ chăm theo Hán-học, không hề tưởng đến vận-mệnh của tiếng nói nước nhà. Tuy vậy, họ đã làm nên một việc hữu-ích đối với quốc-âm, một cách gián-tiếp. Các cụ đồ nho ta xưa dạy học-trò có một phương-pháp rất đặc-sắc là dùng tiếng nôm để nghe sách và giảng nghĩa sách. Trước hết thầy bảo học-trò bình lên một câu chữ nho, rồi cùng một giọng ngân-nga trầm-bỗng ấy, giải-nghĩa từng chữ một ra tiếng nôm. Sau hết thầy mới lại dùng tiếng nôm giảng-giải ý-nghĩa trong câu sách. Đứng riêng về phương-diện quốc-âm mà nói, phương-pháp ấy có mấy điều lợi ích : một là bắt-buộc người ta phải tìm những tiếng nôm để dịch nghĩa những chữ Hán cho đúng, tức là giúp cho sự định-nghĩa mỗi tiếng ta. Hai là dùng tiếng ta để nghe sách và giảng sách, tức là làm cho tiếng ta dần dần thành lời nói có văn-chương. Sau hết, là chỉ rõ những

khuyết-điểm của tiếng ta và sự cần vay-mượn tiếng. Cho nên trong câu tiếng nôm dùng để nghe sách và giảng sách đó nhiều khi phải lặp lại y-nguyên những danh-từ trong câu chữ Hán. Tiếng Hán-việt xen lẫn vào tiếng nói hằng ngày của ta có lẽ là từ đó.

Vậy thì kết-quả bất-ngờ của sách dạy chữ nho ngày xưa là đã làm cho tiếng nôm giàu thêm và càng ngày càng điều-luyện, trở nên một thứ tiếng trang-nhã quý-phái.

Trong khi phái trí-thức còn miệt-mài kinh truyện, thì tiếng nói thông-tục hoàn-toàn giao-phó cho hạng bình-dân. Sống gần cảnh thiên-nhiên, hạng này đã sớm cảm biết vẻ đẹp của nước non, hoa cỏ ; lăn-lộn trong đời thực-tế, họ đã có những cảm-tình chân-thật và nồng-nàn trong bầu không-khí tự-do của công việc đồng-áng ; ái-tình trong-trẻo và ngây-thơ đã gọi nên trong tim họ những lời ca êm-ái. Một nguồn thi-ca khẩu truyền bởi đó mà phát-sinh, rất trong sáng-rất dồi dào.

Những câu ca-dao của ta kể về nguồn-gốc có thể sánh với kinh Thi của Tàu ; nói về thể-cách thì lại tương-tự những bài thơ ngắn Hai-Kai của người Nhật. Thêm vào những câu ca-dao, ta lại có vô-số những ngôn-ngữ phương-ngôn là những tài-liệu về từ-ngữ rất quý báu mà chúng ta sẽ có dịp bàn đến. Ca-dao và tục-ngữ lại là mở đường cho một nền thi văn thuần túy Việt Nam.

Lối thi ca bình dân ấy, cũng có những tác-phẩm trường thiên, ấy là những « Truyện » và « Vè » mà chúng ta có thể cho là một loại với những « sự-tích » và « truyện anh hùng » bằng thơ về thời Trung-cổ bên Âu châu. Chính những « tích » và « truyện » ấy đã khởi đầu cho nền văn-học Pháp. Những kẻ đặt ra « Truyện » và « Vè » của ta thật là những tên thợ vô danh đã trau dồi cho quốc âm ngày thêm đẹp đẽ.

Đến cuối thế-kỷ 13, quốc-dân đã bước lên một trình-độ khá cao, khiến cho văn-nhân trong nước bắt đầu chú ý đến. Hàn Thuyên và Nguyễn-Sĩ-Cổ đời nhà Trần là hai người đầu tiên dùng luật thơ, phú đời Đường để làm thơ, phú bằng Quốc âm. Hàn-Thuyên lại có công chinh-đốn lối viết chữ nôm,

khiến cho thơ, phú Quốc-âm đã thành lập lại có lối chữ riêng để ghi chép. Hai ông ấy thực có công khởi-xướng một nền văn-học cho nước ta vậy.

Làm thơ Quốc-âm lúc đầu chỉ là một cách tiêu-khiển nhã-nhận của một số ít văn-nhân khi nhàn rỗi đem ra xướng họa cùng nhau. Nhưng đến đời Lê Hồng-Đức (1460-1487) thì đã thịnh-hành lắm. Vua Lê Thánh-tôn lập ra một tao-đàn cùng các quan trong triều xướng họa. Chính ngài là một thi-bá đương thời và có nhiều bài thơ truyền-tụng. Đến thế-kỷ 18 và 19, thơ Quốc-âm so với mấy đời trước lại càng tiến-bộ hơn nhiều. Dưới ngọn bút tài tình của các thi-nhân như Nguyễn-Công-Trứ, Nguyễn Khuyến, bà huyện Thanh-Quan, thì thơ nôm có lẽ đã hay đến tuyệt-điểm.

Văn biên-ngẫu – văn xuôi có luật – cũng được các nhà nho ta luyện tập lắm. Chúng ta còn được nhiều bài phú, kinh nghĩa, văn sách bằng chữ nôm từ đời Lê (1428-1527) để lại. Về đời Tây-sơn (1788-1802) có hai bài phú Tây hồ tụng, Tây hồ chiến là hai bức tranh phản-chiếu thời loạn-lạc hồi bấy giờ. Nhưng đến bài văn tế « Trận vong tướng-sĩ » của tiền-quân Nguyễn-Văn-Thành vào khoảng 1802, đầu triều Gia-long mới thật là một áng văn-chương kiệt-tác.

Trong thi-ca bình-dân, ngoài ca-dao, truyện và vè, lại còn có lối hát trai gái đối-đáp, ngoài Bắc gọi là hát trống quân, ở Trung-kỳ hay gọi là hát hò hay hát ví. Lối hát ấy rất thịnh-hành ở miền Nghệ Tĩnh. Chẳng những con trai con gái thường dân, cả đến học trò, con nhà quan cũng say mê những cuộc chơi vui vẻ và thanh-tao ấy. Chính tác-giả truyện Kiều, cụ Nguyễn-Du, khi còn là học trò đi thi cũng là một tay tài-tử trong nghề hát ví. Vì được nhuần-thấm tâm-hồn trong không-khí bình-dân, nên nghệ-thuật truyện *Kiều*, một tác-phẩm vô song trong thi-giới Việt-Nam đã thấm góp tất cả tinh-hoa của hai nguồn thơ quốc-âm cùng thịnh-hành thời ấy : một lối thơ trang-nghiêm bắt chước thơ Tàu và một lối thơ bình-dị nảy nở trong đám thường-dân.

Nhưng thế-kỷ 19 đã mở một kỷ-nguyên mới trong văn học Việt-Nam. Một việc hệ-trọng đã xảy ra trong lịch sử : bề ngoài là sự tiếp xúc của hai văn-hóa Đông, Tây ; bề trong là sự can-thiệp của người Pháp vào cuộc nội-

trị nước ta. Được có chữ Quốc-ngữ làm lợi-khí và máy in hoạt-bản, cho nên tiếng Việt-Nam, vì thời-đại đổi thay, và tình-thế khiến nên, đã bước được một bước dài trên đường tiến-bộ. Phong-trào văn-học Việt-Nam hiện-đại, bắt-đầu từ thế-kỷ 20, có chiều sâu-rộng, chẳng khác gì một cuộc văn-nghệ phục-hưng.

Nhưng trước khi bàn đến phong trào văn-học mới-mẻ ngày nay, chúng ta hãy dừng bút ở đây để kết-liệu mấy trang phác-họa vừa rồi về quá-khứ của tiếng Việt-Nam.

Tuy rằng đã bị phái thượng-lưu trí-thức ngày xưa xem thường là tiếng nô-m-na, không gia công rèn-luyện, tiếng Việt-Nam, đời nọ trải qua đời kia, vẫn giữ địa-vị là tiếng nói chung cho cả một quốc-gia, một dân-tộc. Một nền văn học Việt-Nam, sinh giống nẩy mầm trong thời quá khứ xa-xôi ấy, và cỗi-rễ nó ăn-xâu bám-chặt trong tâm-hồn bình-dân. Những bước đầu của nó vẫn là hèn-mọn, nhưng đã có một văn-học nào mới bước đầu mà tốt-đẹp ngay đâu ! Lịch-sử cho ta thấy rằng tiếng Việt-Nam tiến-hóa một cách dần-dà, nhưng vẫn cứ đi tới luôn. Một vài chứng-cớ cho sự tiến-hóa ấy là cuối thế-kỷ 14, Hồ-Quý Ly đã cho dịch *Kinh-thi* ra chữ nô-m để làm sách dạy Thái tử. Đến đời Tây-sơn và đầu triều Gia-Long (1802-1820) chữ nô-m được dùng để thảo các dụ và chỉ, cùng thơ-từ bầm-báo về việc công. Nhất là tiếng nô-m ngày xưa đã sản xuất một nền thi-ca, tuy chẳng huy-hoàng tráng-lệ, nhưng vẫn có ít nhiều thiên tuyệt-tác để về sau, khiến chúng ta đọc đến còn cảm thấy :

« Vơ-vấn tở vương hồn Đại-Việt
Thanh-tao thếp lột giọng Hàn-Thuyên »...

Xét lịch-sử rồi chúng ta lại băng-khuông tự hỏi vận-mệnh tiếng ta sẽ thế nào, nếu không có sự tiếp-xúc giữa hai văn hóa Đông, Tây, nó đã kích-thích các dân-tộc Á-đông trên đường tiến-bộ. Dựa vào lịch-sử, chúng-ta có thể đoán rằng tiếng Việt-nam chẳng chóng thì chầy sẽ bước lên địa-vị cao-quí mà xưa kia nó vẫn phải nhường cho chữ Hán.

Nhưng lịch-sử đã đặt ta trước một sự dĩ-nhiên, tình-thế mới khiến tương-lai tiếng Việt-Nam trình-bày ra một quang-cảnh mới. Xưa kia chữ Tàu là một thứ văn-tự ta chỉ dùng để học chứ không dùng để nói, nên sức bành-trướng của nó vẫn có chừng. Ngày nay ta dung nạp tiếng Pháp là một hoạt ngữ – langue vivante – có sức bành-trướng rất mạnh. Cho nên ngày nay đối với tiếng Pháp, chúng ta có phần lo ngại cho tương-lai tiếng ta nhiều hơn là ngày xưa đối với tiếng Tàu và chữ Hán.

III. SINH-LỰC TIẾNG VIỆT-NAM VÀ NHỮNG NGUYÊN-NHÂN GIÚP SỨC PHÁT-TRIỂN CỦA NÓ Ở HIỆN-TẠI

Mới xét qua thì tự-hồ tiếng Pháp là một trong những ngôn-ngữ thông-dụng nhất trên hoàn-cầu, một ngày kia sẽ tràn ngập khắp cõi nước ta, tiếng Việt-Nam sẽ vĩnh viễn là một thứ tiếng phụ-thuộc chỉ đợi ngày tiêu-vong.

Nhưng xét kỹ thì mỗi lo-ngại ấy không bằng-cứ vào đâu. Trái lại có nhiều duyên-cớ cho chúng ta tin chắc rằng tiếng Việt-Nam đang đi-tới một cuộc phục-hưng hoàn-toàn. Sự phát-triển của nó trong vài chục năm nay là một tang-chứng hiển-nhiên. Nhưng hơn nữa còn một điều khiến chúng ta càng vững-vàng về tương-lai của tiếng ta, là sự phát-triển bùng-bột ấy không phải một việc tình-cờ, đơn-độc trong lịch-sử hiện-đại của nước ta. Nó có dính-dáng với những nguyên-nhân rất sâu-xa vậy. Khởi đầu là một luồng tư-tưởng rất mạnh làm rung-động tất cả các hạng người trong xã-hội, và xô-đẩy người ta đi tới một nguyện-vọng chung, một lý tưởng chung. chúng tôi muốn nói cái tinh-thần quốc-gia, bật dậy trong các dân-tộc Á-đông, sau khi tiếp xúc với cái văn-minh mới-mẻ từ Tây phương đưa lại.

Thoát khỏi giấc mê ngàn năm, các dân-tộc ấy lần-lượt tỉnh hồn và nhận-thức cái hương-hỏa quốc-gia của họ. Đầu tiên người Nhật hăng-hái bạo-dạn học theo Tây-phương, nhưng đồng thời họ cũng chấn-hưng văn, ngôn của họ. Ở nước Tàu cùng đi đôi với cuộc cách-mệnh chính-trị, có một cuộc cách-mệnh văn-học do phái Hồ Thích chủ-trương. Ở nước ta phái trí-thức Âu-hóa cũng mang một lý-tưởng quốc-gia để làm việc, vì thế phong-trào trí-thức ở nước ta ban đầu rất đượm tinh-thần quốc-gia. Thảo-luận vấn-đề quốc-văn, ông Phạm Quỳnh từng nói : « Tiếng ta còn, nước ta còn », ông Nguyễn-Văn-Vĩnh cũng từng viết : « Tương-lai nước ta hay dở là ở như chữ quốc-ngữ ». Ý-kiến của hai học-giả đàn anh ấy thật tỏ rõ ý-nghĩa sâu-xa của phong-trào chuộng quốc-văn ở nước ta vậy. Ông Paul Meyer, một học-giả Pháp nghiên-cứu về các tiếng « lai La-mã » ở Âu-châu, có viết mấy hàng

sau đây mà ta có thể đem gán vào trường-hợp của chúng ta : « Về đời Trung-cổ tư-tưởng quốc-gia chưa phát đạt, nên chưa cần lấy ngôn-ngữ làm biểu-hiệu bề ngoài. Chỉ đến ngày nay người ta mới thấy các dân-tộc, mất quyền tự-chủ, cố sức giữ-gìn cho tiếng nói của họ được thuần khiết, và văn-học của họ khỏi bị tiêu-ma » Xem thế thì gây-dựng một nền văn-học quốc-gia ngày nay, có bề dễ dàng hơn ngày xưa vậy.

Nhưng lạ thay ! xét trong lịch-sử dân-tộc ta, tư-tưởng quốc-gia không phải không có lắm thời-kỳ oanh-liệt, thế mà lại chẳng thấy một nền văn-học quốc-gia chân-chính xuất hiện, là bởi có sao ? Vì sao cái mộng-tưởng của Hàn-Thuyên đến mấy thế-kỷ sau vẫn không thực-hiện được ? Suy-xét cho thấu đáo, chúng ta sẽ thấy có những trường-hợp bất lợi như sau này :

1) Hán-học nhuần-thấm trong tâm-não người mình đã lâu. Tiên-nhân ta xem chữ Hán như một thứ văn-tự của thánh-nhân đặt ra cho thiên-hạ đều dùng chớ không phải riêng ai và cũng không phải vay-mượn của ai cả. Thậm-chí chữ tàu mà ta vẫn gọi là « chữ ta ». Đã là « chữ ta » thì có khi nào nghĩ tới việc lấy tiếng nô-m thay vào nữa ? Và lại, chữ « Nho » với đạo « Nho » không thể tách rời nhau ra. Nếu bỏ chữ Nho tức là làm một điều bội-bạc mà các cụ Nho-học ta xưa không bao giờ dung-thứ ;

2) Quyền quân-chủ độc-tôn ở nước ta ngày xưa lấy Nho-giáo làm gốc. Lễ cố-nhiên các triều-đại đều tôn-sùng Nho giáo, cho nên trong việc giáo-hóa, chữ Hán cũng chiếm địa-vị độc-tôn ;

3) Ở Âu-châu về thời Trung-cổ, sau khi Đế-quốc La-mã đổ nát các dân-tộc mới lập thành quốc-gia đều thoát-ly thế-lực La-mã về đường chính-trị. Ảnh hưởng của La-mã chỉ còn trong phạm-vi văn-chương mà thôi, không có tính-cách bức-bách như một thế-lực về chính-trị. Trường-hợp của chúng ta lại khác, nước Tàu bao giờ cũng vẫn là một « ông láng giềng » chỉ chực cơ-hội để can-thiệp vào vận-mệnh nước ta. Cái uy-thanh về võ-lực ấy không khỏi có ảnh-hưởng nặng-nề đến sự giải phóng của chúng ta về tinh thần. Cả đến cái văn-hóa Trung-hoa mà chúng ta hấp-thụ vốn nó cũng đã không lợi cho tinh-thần giải-phóng của chúng ta !

Song những nguyên-nhân kể trên đều đã thuộc về dĩ-vãng. Trái mấy ngàn năm hun-đúc, dân-tộc ta đã có một bản-sắc hẳn-hoi ; dầu ở vào thế-giới mới mẻ ngày nay cũng không có một ảnh-hưởng nào có thể làm tiêu-tan bản sắc ấy một cách dễ-dàng được. Một lý-do ấy đủ đảm-bảo cho nền văn-học Việt-Nam mà chúng ta sẽ vun-đắp sau này. Miễn là chúng ta cố giữ được tinh-thần một dân-tộc, thì mọi sự trở-ngại, khó-khăn, chúng ta sẽ hoàn-toàn thắng được.

Trong những điều trở-ngại cho sự phát-triển một nền văn-học Việt-Nam, kể về thực-tế cũng nhiều, mà kể về thành kiến cũng lắm.

Có kẻ bảo tiếng ta nghèo, không thể sản-xuất một nền văn-học có giá-trị. Đó chẳng qua là một thành-kiến sai-lầm. Một thứ tiếng giàu hay nghèo, là do nơi trình-độ của dân-tộc nói thứ tiếng ấy. Nếu trình-độ dân-tộc ta ngày càng cao thì tiếng ta cũng ngày thêm phong-phú là lẽ tất-nhiên vậy.

Có người lại nói tiếng Việt-Nam là một thứ tiếng đơn-âm không có biến-thể, cho nên tiến-hóa chậm và không tiện-lợi để diễn-giải các khoa-học. Về phương diện này chúng ta vẫn công-nhận rằng các thứ tiếng phức-âm và nhiều biến thể là tiện-lợi hơn. Nhưng các thứ tiếng đơn âm và không biến-thể lại có một ưu điểm khác bù lại. Những thứ tiếng phức-âm từ thế-kỷ nọ đến thế-kỷ kia hay thay hình đổi dạng cho nên đọc những di-văn của đời trước, nhà khảo-cứu cũng như nhà thẩm-mỹ thường gặp nhiều nỗi khó-khăn. Trái hẳn thế, những thứ tiếng đơn-âm ít biến-hóa lại cho nhà khảo-cổ một sự dễ dàng trong khi nhìn-nhận chân-tướng của quá-khứ, và lưu-truyền di-tích lại tương-lai.

Nhờ có tinh-thần tự-lập mà dân-tộc ta trải bao đời đã giữ-gìn tiếng ta được nguyên- vẹn, khiến cho tiếng Việt-Nam ngày nay rất có vẻ thuần-túy... Nó đã từng chịu sự thí-nghiệm của thời-gian, và hiện-thời nó là sức mạnh trong công-cuộc phục-hưng quốc gia của chúng ta. Cái lực-lượng sinh tồn và phát triển của tiếng Việt-Nam về tương-lai chính là ở đó. Những bước tiến-bộ của nó về hiện-tại và địa-vị càng ngày càng trọng yếu mà nó chiếm trong phạm-vi trí-thức sinh-hoạt của chúng ta, đem lại cho ta rất nhiều hi-vọng.

Đối với những lời gièm-pha công-kích, nó tự biện-hộ một cách rất hùng-hồn.

Vài ba mươi năm nay, tiếng Việt-Nam dùng để viết hay phiên-dịch các sách khoa-học và triết-học mỗi ngày một nhiều. Quốc-văn ta cũng tiến-hóa dần-dần đến chỗ phồn-thịnh và hoàn-mỹ. Xem thế đủ biết các bậc đàn anh đem tâm-lực bồi-bổ cho văn-học nước nhà vốn không theo đuổi một ý-tưởng vu-vơ, và đã đưa chúng ta vào đường chân-lý vậy.

Nhưng muốn cho tiếng Việt-Nam xứng-đáng với thiên-chức nó, là đời đời làm biểu-hiệu cho nòi giống, và quyền tự-do đáng quý hơn hết của chúng ta, ta phải làm thế nào cho tiếng ta càng ngày càng phong-phú và tốt đẹp thêm lên. Quốc-dân ta đã thấu rõ chỗ thiết yếu ấy, và tất cả sự nỗ-lực của chúng ta đều nhằm vào một mục-đích chung. Tuy vậy cái ngày thành-tựu hãy còn xa. Chúng ta hiện còn thiếu một chương-trình làm việc định sẵn và to-tát. Nhất là còn thiếu một cơ-sở do chính-phủ thiết-lập để tập-trung sự làm việc rời-rạc của cá-nhân. Viết quyển sách này chúng tôi không nề kiến-thức của mình còn thiếu-cận, chỉ mong sao góp một phần vào công-cuộc kiến-thiết lớn-lao ấy.

IV. NHỮNG PHƯƠNG-PHÁP LÀM GIÀU THÊM TIẾNG

Như trên kia đã nói, đến cuối thế-kỷ thứ 19, tiếng Nam vẫn không được công-nhận là tiếng chính-thức trong việc học, việc quan và cũng không được phái thượng-lưu trí-thức săn-sóc đến. Nó chỉ nhờ sự nâng-niu tô-điểm của hạng bình-dân và một số ít tao-nhân mặc-khách, nên vẫn ngấm-ngâm phát-đạt và dần-dần trở nên một thứ tiếng có văn-chương. Trừ ra một vài kiệt tác, thì tiếng nôm vẫn chỉ là một thứ tiếng nhật dụng, cần ích cho đời thực-tế, và dùng để diễn-đạt những cảm-giác thông thường mà thôi cũng tựa như tiếng Pháp về thế-kỷ 13 hay 14 vậy.

Ở trong xã-hội thượng-lưu, quý-phái, cách ăn-nói vẫn bóng-bẩy văn-hoa hơn chỗ quê mùa mộc-mạc, nhưng cũng chẳng qua là thứ tiếng thích-dụng trong sự vãng-lai thù-tạc chứ chưa sẵn-sàng để đón tiếp những tư-tưởng tế-nhị cao-siêu.

Tình trạng tiếng ta là thế, khi chúng ta bắt đầu tiếp xúc với văn-minh Tây-phương. Trước ảnh-hưởng mãnh-liệt của văn-minh ấy, kẻ trí-thức trong nước ta mới lưu-tâm chú-ý đến sự dùng quốc-âm làm lợi-khí để truyền-bá học-thức và tư-tưởng mới, ngõ hầu dìu-dắt dân-tộc ta trên đường tiến-bộ. Song những kẻ muốn ra đảm đương công-việc ấy còn phải hô-hào cổ-động cho trong nước có một phong-trào quốc-văn để trả lời những kẻ bài-bác nó cho là quá nghèo nàn, hay lãnh đạm đối với nó, cho là chưa đủ tư-cách dùng để viết văn.

Thật ra những kẻ nhiệt-thành bênh-vực cho quốc âm, lắm lúc cũng phải bực mình vì nỗi thiếu tiếng khi muốn dùng để diễn-đạt tư-tưởng và học-thức mới. Tiếng ta thật vẫn còn nghèo và công-việc cần kíp nhất là phải làm cho tiếng giàu thêm. Ấy là nguyên-lý mà mọi người đều công-nhận ; nhưng phải làm sao để đi tới sự thực-hành ?

Trước hết người ta tìm đến cái kho tiếng Hán-Việt mà hơn ngàn năm Hán-học đã dồn chứa cho ta. Chữ Hán mà người ta tưởng đã hết thời, nay lại

cải-trang tìm vào địa-hạt quốc-văn và được trọng-dụng như xưa kia chưa từng thấy.

Kết-quả ấy là nhờ các nhà văn lớp trước xuất-thân trong đám cựu-học. Nhưng đến thế hệ các văn gia trẻ tuổi kế-tiếp sau phần nhiều do Âu-học thành-tài, nên ít kẻ tinh-thông chữ Hán. Huống-hồ đương lúc cần du-nhập cái học mới, tự-nhiên người ta lại thấy cần mượn một thứ tiếng cận-đại. Vì thế chẳng bao lâu, trong quốc-văn người ta thấy có mặt mỗi ngày mỗi nhiều những tiếng lai-Pháp.

Thâu góp cả hai nguồn tiếng Hán-Việt và lai-Pháp, tiếng ta thấy đã giàu thêm nhiều. Nhưng cái gì lợi-ích cho người ta lắm lại thường bị người ta lạm-dụng. Trong việc dùng chữ mượn cũng thế : các nhà văn cựu-học thì dùng quá nhiều danh-từ Hán-Việt, câu văn của họ thành ra không được nhẹ-nhàng thanh-thoát và người không từng học chữ Hán, khi đọc văn họ, cũng lấy làm khó-khăn. Trái lại, các nhà tân-học trong lúc viết văn quốc-ngữ dùng nhiều tiếng lai-Pháp hoặc bắt-chước cách-điệu của tiếng Pháp, câu văn của họ thành ra mất hẳn sự hòa-hợp âm-điệu của tiếng Nam.

Rồi theo lẽ tự-nhiên, một khuynh hướng thứ ba tới bổ khuyết cho hai khuynh-hướng trên, thúc-giục các nhà văn lựa-chọn những tiếng tinh-ròng Việt-Nam. Về văn thể cũng vậy, người ta bỏ những lối văn câu-kỳ tối-nghĩa hay lủng-củng ngô-nghe mà chuộng một lối văn bình-dị sáng-suốt, rất gần với lời nói tự-nhiên.

Nói tóm lại, muốn làm cho tiếng ta giàu thêm, chúng ta sẵn có ba nguồn tiếng để làm tài-liệu : tiếng Hán-Việt, tiếng lai-Pháp và tiếng nói trong dân gian. Vậy bàn đến vấn-đề làm giàu thêm tiếng, chúng ta phải lần-lượt xét phương-pháp vay mượn tiếng trong hai khuynh-hướng trên, và tài-liệu của tiếng nói thông-tục :

a) Tiếng Hán-Việt. – Có lẽ buổi đầu trong thời-kỳ Bắc-thuộc, tiếng Tàu đã có phen trực-tiếp xâm-nhập vào địa-hạt tiếng ta do bọn quan-lại và quân-nhân Tàu đưa tới. Nhưng về sau, khi văn-hóa Tàu truyền-bá vào nước ta thì giữa tiếng ta với tiếng Tàu đã có một bờ thành ngăn-cách khiến cho tiếng

Tàu không thể lại lẫn át tiếng ta được nữa. Vì rằng văn (langue écrite) và ngôn (langue parlée) của Tàu hồi ấy đã là hai ngữ-thể khác nhau. Ta học Tàu tức là học văn của họ, chứ không phải học theo ngôn của họ. Văn Tàu gồm có « Cổ-văn » tức là văn-chương trong kinh truyện và « Kim văn » tức là văn-chương các đời Hán, Tống trở về sau. Hai nguồn ấy hợp lại là một lâu-đài văn-học nguy-nga đồ-sộ trên thế-giới. Biết bao nhiêu danh-từ triết học và văn-học chất-chứa ở trong đó. Ấy là cái kho tiếng Hán-Việt của ta. Thi-văn quốc-âm từ trước vốn đã dùng tiếng Hán-Việt nhưng đến lúc nhiều người trong lớp Hán-học xoay ra viết quốc văn thì vô hạn những danh-từ, điển-tích trong nền văn cổ-điển Tàu mới được đem ra dùng làm tài liệu để gầy lấy một nền văn xuôi Việt-Nam.

Báo-chí quốc-văn xuất-hiện ở Bắc-kỳ vào khoảng 1905 đã có công nhiều trong sự đào-tạo ấy. Tạp-chí *Nam-Phong* trong mỗi số đầu đều có mấy trang tự-vững giải-thích những danh-từ Hán-Việt mới nhập-tích vào quốc-văn để cho độc-giả tiện bề tra-cứu. Chúng ta không cần nhắc lại những cuộc bút-chiến về vấn đề mượn chữ Hán. Sự vay mượn ấy là một việc rất hợp-lẽ và rất tự-nhiên cho nên công-chúng đã phân biệt được ngay kẻ phải người trái. Chúng ta có thể nói rằng chữ Tàu ở Á-đông có tính cách phổ-thông gần như một thế-giới-ngữ. Chẳng những người Việt-Nam, cả đến người Nhật, người Cao-ly đều thông-dụng. Chính ở Tàu là một nước mà mỗi tỉnh tiếng nói mỗi khác, chữ Hán là một công-cụ để thống-nhất văn-hóa khi người ta không thể thống-nhất được ngôn ngữ.

Chúng ta cũng không cần đặt ra những nguyên-tắc phiền phức hay một phương-pháp mới để mượn chữ Hán. Khác với trường hợp những tiếng phức-âm, nhiều biến-thể, vì chữ Pháp khi xưa mượn chữ gốc la-tinh chẳng hạn, chúng ta không phải dùng đến những cách-thức chuyển-hóa (dérivation) hay tổ-hợp (composition)... theo như người, chúng ta chỉ có đem chữ Hán đọc theo âm-vận của ta là được rồi.

Nhưng chúng ta cũng nên bàn đến một điểm quan-trọng về vấn-đề này tức là dung-lượng chữ Hán mà chúng ta có thể đưa vào trong quốc văn. Theo nguyên-lý thì sự dùng các danh-từ Hán-Việt không có hạn-lượng nào

cả. Nhưng muốn cho quốc văn được rõ-ràng dễ hiểu, tưởng cũng nên vạch ra vài nguyên-tắc để làm chừng-mực cho người viết văn. Những nguyên-tắc ấy ông Phạm-Quỳnh đã từng nói đến một cách tường-tận trong những bài đăng ở tạp chí *Nam-Phong* khoảng mười năm về trước, ngày nay chúng ta xem lại vẫn thấy còn thích-hợp.¹

Đại-đế, mỗi nhà văn vẫn có trọn quyền cân-nhắc trong sự dùng chữ Hán, sao cho thích-đáng. Nếu bỏ hẳn đi thì quyết nhiên không thể viết quốc-văn cho xuôi được. Trái lại, nếu dùng nhiều chữ Hán quá thì lời văn không được nhẹ-nhàng uyển chuyển. Về thực-tế nên phân-biệt tính-chất của mỗi bài văn như sau này :

- 1) Lối văn dùng để ghi chép những tin-tức vật trên các báo-chương ;
- 2) Lối văn tiểu-thuyết ;
- 3) Lối văn lịch-sử ký-sự ;
- 4) Lối văn biện-luận ;
- 5) Lối văn thuyết-lý về đạo-đức, triết-học, tôn-giáo.

Trên này là sắp theo thứ-tự từ dễ đến khó, từ thấp đến cao. Một thể văn càng khó càng cao, thì càng cần-dùng nhiều chữ Hán. Trái lại một lối văn bình-thường thì tránh dùng chữ Hán được bao nhiêu lại càng hay.

Tài-liệu chữ Hán ở trong văn-chương cổ-điển Tàu tuy giàu thực nhưng chúng ta còn có thể làm cho nó tăng lên mãi bằng cách nhân chữ cũ đặt ra danh-từ mới. Người Nhật đã làm gương cho ta trước. Ngay từ lúc mới nghiên-cứu học-thuật Tây-phương, họ đã phiên dịch các sách khoa-học triết-học cùng văn-học Âu-châu ra tiếng Nhật. Gặp những danh-từ trừu-tượng, họ vẫn mượn chữ Hán, nhưng dùng theo một nghĩa xác-định hơn hoặc rộng-rãi hơn, như : cách-mệnh, kinh-tế, văn-minh, hoặc ghép chữ cũ thành những danh-từ mới, như : trừu-tượng cụ-thể... Những danh từ mới do người Nhật đặt ra rồi chính người Tàu cũng bắt-chước theo. Đến lúc những tân-thư của các văn-sĩ Tàu truyền vào nước ta, khoảng 40 năm trước, liền được phái trí-thức cựu-học ta hoan-ngheh nhiệt-liệt. Đứng về phương diện ngôn-ngữ thì tiếng ta lại giàu thêm vô-số danh-từ mới.

Ngày nay chúng ta há lại không thể do chữ Hán sáng-tạo ra danh-từ mới cho chúng ta dùng, như người Tàu, người Nhật hay sao ? Có thể chữ Hán đối với tiếng ta mới có thể đương địa-vị của tiếng La-tinh hay tiếng Hy-lạp đối với tiếng Pháp. Muốn được thế, chúng ta cần có nhiều người tinh-thông ngôn-ngữ và văn-học Trung-hoa. Nhưng theo chế-độ giáo-dục ở nước ta ngày nay, làm thế nào mà đạt được mục-đích ? Thật là khó-khăn ! Nhưng thiết-tưởng không phải một việc khó-khăn không thắng nổi. Trong một chương sau chúng tôi sẽ bàn đến vấn-đề dạy chữ Hán ở các trường, và xét xem cái phương-pháp giáo-thụ thích-đáng khiến cho thanh-niên trí-thức nước ta, tuy không tinh-thông chữ Hán ngay lúc ở học-đường, nhưng cũng có được một cơ-sở vững-vàng và một phương-pháp hiệu nghiệm để về sau tự học lấy cho đến chỗ uyên-thâm.

b) Tiếng lai-Pháp. – Tiếng Hán-Việt thực là một kho tàng quý báu cho quốc-văn, nhưng đối với sự tiến-bộ rất nhanh-chóng của trí-thức loài người và sự nhu-cầu của tư tưởng hiện-đại, ngày càng tinh-vi, càng phức-tạp, thì một kho tàng ấy hẳn là chưa đủ. Tiếng Hán Việt dùng để tả tình tả cảnh, để diễn những ý-tưởng về luận-lý thì rất hay rất giàu, nhưng ứng-dụng vào khoa-học hay triết-học hiện-đại thì hẳn còn khiếm-khuyết.

Muốn bổ-khuyết cho quốc-văn về phương-diện ấy, chúng ta cần mượn thêm một thứ tiếng hoàn-bị hơn. Lẽ tự-nhiên chúng ta nên tìm trong tiếng Pháp.

Trước khi học-thuật nước Pháp mở rộng tầm tư-tưởng của chúng ta, những công-cuộc thiết-lập của người Pháp ở xứ này đã biến đổi cái thế-giới vật-chất của chúng ta. Nhờ nó làm môi giới, cái văn minh cơ khí của Âu-Tây đã tràn trong xứ, lần-lần thay đổi các điều-kiện sinh-hoạt của chúng ta. Trong phạm-vi ngôn-ngữ, dân-chúng hằng ngày tiếp-xúc với những vật-kiện mới-mẻ mà tiếng ta vốn không có tên riêng để gọi. Lẽ tự-nhiên họ phải gọi tên theo tiếng nói của kẻ đã đem những vật-kiện mới ấy tới cho mình. Thế rồi tiếng Pháp bắt đầu nhập-tịch vào tiếng ta, trước hết là những tiếng thông-thường. Cũng tựa như trường-hợp chữ Hán chúng ta thấy đây một hiện-tượng về âm-vận-hóa, theo một vài nguyên-tắc rất dễ hiểu như :

1) bỏ bớt vần câm (syllable muette)

- gare *biến thành* ga
- Phare *biến thành* pha a
- tondeuse *biến thành* tông-đơ
- kilomètre *biến thành* ki-lô-mét

2) bỏ chữ « r » cuối cùng

- chauffeur *biến thành* sốp-phơ
- coureur *biến thành* cua rơ

3) bỏ bớt hoặc xé lẻ những phụ âm kép

- Drap *biến thành* (d) ra, da
- la clé *biến thành* lac (c-e) lê

4) chỉ giữ lại những chủ-âm (élément tonique)

- Essence *biến thành* xăng
- Alcool *biến thành* cồn
- envelope *biến thành* lốp

Chính ở thành-thị là nơi sản-xuất ra nhất nhiều tiếng lai-Pháp. Bao nhiêu những tiếng dùng để chỉ cảnh sinh-hoạt, tân thời, bao nhiêu những tiếng dùng trong các công-thự, các nhà máy, xưởng nghề các nhà buôn, đều nhập-tích vào tiếng ta mỗi ngày mỗi nhiều.

Đó là không kể những tiếng Pháp lẫn-lộn trong tiếng ta bởi tánh kiêu-sức hay lười biếng của hạng trí-thức. Hãy lắng nghe câu chuyện của bọn người tân-học, chúng ta thấy nhan-nhản những tiếng Pháp lọt vào trong lời nói của họ. Không những từng chữ một, lắm khi lại cả câu tiếng Pháp ngăn-ngăn xen vào giữa năm ba câu tiếng nam. Thật ra chúng ta ai tránh khỏi hẳn cái tệ-tập ấy. Nói cho đúng, không phải vì chúng ta khinh tiếng mẹ đẻ mà không dùng. Cái lý-do ấy ở ngoài ý-chí của chúng ta. Lạ gì những tư-tưởng, những khái-niệm mà chúng ta muốn phát-biểu trong câu chuyện tiếng Nam phần nhiều do tiếng Pháp dẫn-nhập hay lập thành trong trí-não chúng ta, nên lúc nói ra, chúng ta nghĩ ngay đến tiếng Pháp, và lấy làm khốn-nạn nếu phải tìm tiếng ta để thay vào. Rồi vì lười biếng cấu-thả thành thói quen.

Cách vay tiếng của dân chúng như trên kia là một sự tự-nhiên rất thông-thường trong ngôn-ngữ ; trái lại, xen-lẫn hai thứ tiếng như phái trí-thức ở dưới, chỉ có hại làm cho quốc-âm mất vẻ thuần-khiết, mà không được lợi gì. Chúng ta đã không thể không vay tiếng Pháp, há lại không nên vay cho có qui-tắc có biện-biệt hay sao ?

Lẽ hiển-nhiên, chúng ta không thể vay hết cả tiếng Pháp, vì bản-tính nó khác xa với tiếng ta, chứ không gần như chữ Hán. Ví-dụ trong tiếng Pháp những chữ nào chỉ có ba đơn-âm (3 vần) trở xuống, thì dễ nhập-tịch vào tiếng ta hơn những tiếng từ 4 đơn-âm trở lên. Về động-từ (verbe) thì thể bất-định (infinitif), còn về trạng-từ (adjectif) thì giống đực (masculin) và số ít (singulier) là những thể thích-hợp với tiếng ta hơn cả.

Ngoài những tiếng thường-dùng, chúng ta lại còn phải mượn ít nhiều tiếng chuyên-danh và các danh từ khoa-học.

Về tiếng chuyên-danh (noms propres) chúng ta đã du-nhập một ít tên người, tên đất ngoại-quốc do người Tàu thích-âm theo chữ Hán. Những chữ nào thông-dụng lắm thì có thể giữ lại như : Nã-phá-Luân (Napoléon), Hoa-thịnh-đốn (Washington), Âu, Mỹ, Anh, Nga v.v... Còn ngoài ra thiết-tưởng cứ dùng ngay chữ Pháp là tiện hơn. Như thế đọc quốc-văn chúng ta khỏi mất công tìm tòi đối-chiếu cho biết : Mạnh-đức tư-cửu tức là Montesquieu, Thác-nhĩ-tư-thái tức là Tolstoi.

Vả lại khi ta nói : Mạnh-đức-tư-cửu, Thác-nhĩ-tư-thái, là ta đọc chữ Tàu theo âm-vận của ta, chính người Tàu họ lại đọc... nghĩa là cũng na-ná như Montesquieu, Tolstoi ? Cùng là chua-âm cả sao ta lại mượn cách chua-âm của Tàu rồi đọc trọ ra theo âm-vận của ta ? sao bằng cứ mượn ngay mặt chữ La-mã, đã dễ nhìn-nhận lại đọc cũng đúng hơn ? Ví dụ : ta cứ viết ngay : Montesquieu, Tolstoi và muốn cho người không biết chữ Pháp cũng đọc được ta chua-âm một bên : mông-tét-ki-ơ, tôn-tô-y) tưởng cũng còn hơn Mạnh-đức-tư-cửu, Thác-nhĩ-tư-thái...

Người Tàu họ dùng chữ tượng-hình nên chua-âm không đúng, còn ta dùng chữ-cái La-mã để bài-thanh tiếng, ta có thể chua-âm một cách đúng

hơn. Ấy là một điều tiện-lợi cho ta đó.

c) Danh-từ khoa-học. – Tiếng ta rất thiếu-thốn danh từ khoa-học. Như trên kia đã nói, tiếng Hán-Việt không đủ cung-cấp cho ta dùng ở đây, ta càng thấy cần mượn tiếng Pháp. Cũng như loại tiếng chuyên-danh (nom proper) chúng ta nên dùng hẳn tự-dạng của tiếng Pháp. Ví-dụ : oxygène, hydrogène, hay những phức-từ như acide carbonique, phosphate de calcium cứ viết nguyên như thế, và chua âm quốc-ngữ một bên. Nếu là những loại sách khoa học mà độc-giả là hạng người có học-thức khác thì cũng không cần chua-âm nữa.

Vấn biết hiện nay người Tàu họ đã dịch hầu-hết danh-từ khoa-học ra chữ Hán. Nhưng xét ra cũng còn là một cách dịch miễn-cưỡng : ví dụ : nickel họ dịch là Niết (Ni) Aluminium họ dịch là Lư (lu) bismuth họ dịch là Bí (B) thì cũng chẳng qua là dịch-âm mà thôi.

Sở-dĩ người Tàu dịch như thế, chỉ để tiện-lợi cho lối viết tượng hình của họ. Và họ có thể thêm một bộ Kim 金 ở bên chữ viết 鎳 chữ Lư 鋁 hay chữ Bí 鉍 để phân-biệt với những chữ đồng-âm dị-nghĩa khác. Nay dù ta có muốn dùng theo lối thích-âm của người Tàu, thì cũng dùng được « âm » chữ, không lợi dụng được « mặt chữ ». Đã thế thì sao cho bằng cứ dùng ngay chữ Pháp đã giữ được « âm » mà cũng khỏi mất « mặt chữ ». Tuy vậy, những danh-từ chữ Hán ta đã dùng quen như : dưỡng-khí, khinh-khí, đảm-khí, chúng ta vẫn có thể dùng trong các loại sách khoa-học phổ-thông.

d) Tiếng nói trong dân gian. – Ngôn ngữ của một nước văn minh có hai thể khác nhau : văn và ngôn, hay là văn-ngữ thể và khẩu-ngữ-thể. Văn-ngữ-thể tức là lời nói viết ra có văn-chương có qui-luật, do phái thượng lưu trí-thức sửa sang trau-dồi nên, và kết-tinh lại ở những tác-phẩm của các thi-nhân, văn-sĩ trong một nước. Có thể gọi nó là một thứ quan-hoạt (langue officielle). Khẩu-ngữ-thể là do nhân-dân cả một nước đời đời sáng tạo nên, và là tiếng nói hằng ngày của tất-cả mọi người trong nước. Người ta cũng gọi nó là tiếng nói thông-tục (langue populaire). Tiếng nói văn-chương và tiếng nói thông-tục là hai thể chính của ngôn-ngữ một nước.

Tiếng nói thông-tục không phải là một biến-hình của tiếng nói văn chương. Nó tự sống một đời riêng và tiến-hóa ở ngoài vòng các qui luật chặt-chẽ. Do đó nó không có tính-cách cố-định và để biến-hóa theo trình-độ của dân-tộc. Chính nó mới thật là quốc-âm vậy.

Tiếng nói văn-chương mỗi thời đều có kiểu-mẫu định sẵn, do những tác-phẩm nổi danh của các văn-hào, thi-bá. Bị bó-buộc ở trong những khuôn vàng thước ngọc ấy, nó không được tiến-hóa tự-do và dần-dần xa cách với tiếng nói tự-nhiên của dân-tộc. Văn-chương cổ-điển của La-mã và Trung hoa là hai thí-dụ. Một ngôn-ngữ dầu hoa-mỹ đến bậc nào cũng chỉ sản xuất ra được một nền văn-chương có hạn. Qua một thời-kỳ toàn-thịnh tất phải đến lúc suy-vi ; vì ngôn-ngữ đã thành ra cùn-mòn sáo-cũ, không thể sản-xuất những tác-phẩm văn-chương lỗi-lạc lúc ấy muốn đổi mới cho. Đến lúc ấy muốn đổi mới cho văn-học tất phải đổi mới ngữ-ngôn. Và một sự đổi thay trong ngữ-ngôn là dấu-hiệu của một cuộc phục hưng về văn-học. Nhưng ngữ ngôn của phái thượng-lưu đổi mới được là nhờ thái-thái những cái tinh-hoa sắc-xảo, những cái mới-mẻ ngộ-nghĩnh trong tiếng nói của dân-gian. Vì vậy mà tiếng nói thông-tục dần dần xâm-nhập vào địa-hạt văn-chương. Xem như văn-học hiện-đại ở Tàu, đã phát-triển bùng-bột sau khi phái Hồ-Thích xướng lên phong-trào dùng lối văn bạch-hoại thay vào cho lối văn cổ-điển. Chính ở nước ta, các nhà văn trẻ tuổi cũng phải thoát-ly lề-lối văn xưa, để gây nên phong-trào văn-học mới-mẻ ngày nay.

Xem thế thì tiếng nói bình-dân có quan-hệ lớn-lao trong việc xây dựng hay đổi mới nền văn-học của một nước. Phận-sự nhà văn không phải là dựng một bức thành ngăn-cản sự tiến-hóa của quốc-âm để đi tới những giai đoạn mới, mà chính là phải tìm tiếng nói trong dân-dã, những cái gì có thể làm cho quốc-âm phong-phú, rõ-ràng và mạnh-mẽ hơn.

Tiếng nói dân-dã của ta rất giàu tài-liệu có thể bồi-đắp cho quốc-văn, chúng ta phải chọn lọc và thái-thái lấy. Những tài-liệu ấy có thể chia ra hai loại : những câu ngôn-ngữ, tục-ngữ là cái « vốn trí-thức » của quần-chúng ; những câu ca-dao « chuyện » và « vè » là cái « vốn văn-học » của họ.

Chúng ta ai là không biết ít nhiều câu hát dân quê. Những câu hát vừa nhẹ nhàng vừa thâm-thúy, tả đủ mọi vẻ về tâm-linh và cảnh-ngộ của hạng người lao-lực ấy. Có những câu êm-đềm vui-vẻ, ai-oán sâu-bi, hoặc kể nỗi chua-cay éo-le ở đời, hoặc kể những niềm thương nỗi nhớ, nhưng bao-giờ cũng làm cho ta cảm-động hay khoan-khoái vô-cùng, tỏ ra người dân quê Việt-Nam giàu tâm-hồn thi-sĩ lắm và tiếng Việt-Nam quả có tính chất ưu-mỹ về thi ca.

Những câu tục-ngữ, những câu nói lối, mà trong tiếng ta rất dồi dào, lại có một ý-nghĩa và một công-dụng khác với ca-dao. Nguồn-gốc ở sự kinh-nghiệm của người đời, hay kết-quả của sự cấu-tạo tự-nhiên trong tiếng nói, những câu tục-ngữ thành-ngữ ở dân-gian, vì có ai ai cũng dùng, nên lâu ngày quen tai mà thành ra sáo cũ. Cái lợi ích của nó vốn là giúp cho lời nói thêm sắc-xảo, đằm-đà thì mất dần đi, mà trở lại nó giúp cho sự lười biếng về tư-tưởng. Nếu chúng ta để ý nghe, câu chuyện của những ông già bà cả ở nhà quê, chúng ta sẽ nhận thấy họ dùng rất nhiều tục-ngữ và thành ngữ, thành ra lời nói của họ có vẻ sáo, cũng tựa-hồ như những nhà viết văn hay quá thiên về lời dùng điển.

Nhưng về phương-diện từ-ngữ thì ngôn-ngữ với thành ngữ lại có lợi-ích rất nhiều. Do những tiếng chọn-lọc rất khéo kết-hợp nên, chúng nó là những điểm kết tinh ở giữa sự thay-đổi không thường của tiếng nói. Người ta có thể bẻ theo đó để định nghĩa từng tiếng một, và dùng chữ được xác đáng. Và lại trong một ngôn-ngữ phần nhiều là độc-âm – như tiếng ta hay tiếng Tàu chẳng hạn – không liên-quan gì với nhau – hoặc có, nhưng rất ít – thì ngôn-ngữ với thành-ngữ lại có cái lợi-ích nối liền rất nhiều chữ bằng một mối liên-lạc mật thiết. Thật vậy những chữ đã ghép lại với nhau để làm nên một ngôn-ngữ hay một thành-ngữ thì bao giờ cũng đi liền với nhau trong trí nhớ, một chữ rời ra tức là nhắc cho người ta nhớ đến cả câu. Vì vậy có nhiều chữ ngày nay chúng ta không hiểu rõ nghĩa gốc của nó, nhưng vẫn còn sót lại trong tiếng nói hằng ngày : như chữ kẹn trong câu : già kẹn kẹn hom ? hay chữ « nam » và chữ « chiêu » trong câu : chân nam đá chân chiêu.

Xem thế, tuy không có giá trị đặc-biệt về văn-học, tục-ngữ với thành ngữ là một môn tài-liệu về từ ngữ rất dồi dào trong tiếng ta, so với ca-dao lại có phần quan-trọng hơn. Sưu tập tất cả ca-dao và tục-ngữ thành-ngữ trong tiếng nói bình-dân là một công-trình rất hữu-ích và cần-thiết cho sự bồi-đắp quốc-văn vậy.

Ngoài ca-dao từ-ngữ và thành ngữ, chúng ta lại nên chú-ý đến loại tiếng-đôi, là một đặc-sắc của tiếng ta nữa. Nhạc-điệu trong tiếng ta phần nhiều nhờ những tiếng-đôi, âm-hưởng rất nhịp-nhàng và ý-nghĩa, lại càng bóng-bẩy tinh-tế. Nghiên-cứu loại tiếng rất quan-trọng này, chúng ta sẽ thấy ít nhiều qui-tắc về sự cấu-tạo tiếng ta. Tiếng-đôi có nhiều cách kết-hợp :

1) Hai tiếng đồng-loại (đều là danh-từ hay hình-dung từ) có nghĩa tương-tự, chắp lại làm một tiếng đôi, có nghĩa phổ-thông hơn và không xác-định, ví-dụ : giàu-có, mạnh-khỏe, lanh-lẹ

2) Hai tiếng khác loại chắp lại thành tiếng-đôi, có nghĩa mới, ví-dụ : buồn (hình-dung từ) và tình (danh-từ) = « buồn-tình »

3) Hai tiếng đồng-loại (thường là hình-dung từ hay động-từ) một tiếng làm nghĩa chính, một tiếng làm nghĩa phụ, chắp lại thành một tiếng-đôi, ví-dụ : say-sưa – trong tiếng – đôi này, tiếng « say » là lấy nghĩa chính, tiếng « sưa » là nghĩa phụ. « Say-sưa » có ý nói người đã đam-mê một vật gì hay một việc gì thì hay xao-lãng (sưa = sơ) những phận-sự khác. Lại ví-dụ : hút-xách có ý nói người hút-thuốc (theo kiểu xưa) bao giờ cũng cặp (xách) cái điếu (pipe à eau) theo bên mình.

4) Một chữ và một tiếng đệm (chỉ dùng thanh-âm chứ không dùng nghĩa) chắp lại làm một tiếng đôi thường dùng theo nghĩa rộng : ví-dụ : xa-xôi, lạnh-lùng, vui-vẻ, trẻ-trung v.v...

5) Hai tiếng chỉ xem như hai vần (syllabe) không kể nghĩa riêng với tiếng chắp lại thành một tiếng-đôi = ăn-năn, thờ-ơ. Những tiếng này thật ra là những tiếng song-âm đặc-biệt (mots dissyllabiques).

Về hình-thức sự cấu-tạo nên tiếng-đôi cũng có những qui-tắc này :

1) Một chữ láy lại hai lần = thùng-thùng ùng-ùng...

- 2) Hoặc chỉ lấy âm mà không lấy vần = ngốc-ngác, thật-thà...
- 3) Chỉ lấy vần mà không lấy âm = bờ-ngõ, lúng-túng...
- 4) Không thay âm-vần chỉ thay đổi về thanh = chậm-chậm, trắng-trắng...

Nghiên-cứu ra những qui-tắc về sự kết-hợp những tiếng đôi, tức là tỏ ra tiếng-đôi có thể theo những qui tắc ấy mà tăng lên mãi.

Chúng ta đã thấy tiếng ta cần vay mượn tiếng Tàu, và tiếng Pháp, nhưng đồng-thời chúng ta cũng nên biết nguồn gốc quốc-âm ở trong tiếng nói bình-dân rất dồi-dào tốt đẹp. Vậy trước khi mượn một chữ nước ngoài, các nhà văn ta hãy nên tìm lấy chữ tinh ròng Việt-Nam mà dùng đã. Muốn như thế trước hết phải cho sành tiếng mẹ đẻ, nhất là phải biết yêu chuộng tiếng nói bình-dân. Phải tìm tòi chọn lọc những hạt châu báu rải-rác khắp trên đất nước nhà những tiếng thuần-túy của dân-tộc. Phải nhặt lấy những tiếng, những lời, những ca-dao, tục-ngữ, phát ra từ cửa miệng của những hạng người cày sâu cuốc bẫm, của trẻ chăn trâu ? người dệt vải, của dân đồn củi trên rừng, chài lưới dưới biển, phải tự đặt chân từ khắp chốn non xanh nước biếc, nơi ngõ hẻm hàng cùng, mới mong lượm lặt hết cái tinh-hoa ? cái đặc sắc của tiếng nói nước nhà.

Ngần ấy cũng chưa đủ. Nhà thơ và nhà văn còn có quyền sáng-tạo ra chữ mới. Có khi một chữ rất thường mà dưới ngọn bút thần-tình của họ bỗng trở nên một chữ rất hay, dùng để diễn-tả một ý-tưởng hay một xúc-cảm mới lạ. Văn-giới nước ta gần đây cũng đã trình bày cái khuynh-hướng đáng khen ấy. Tuy không phải những chữ mới do các nhà văn, các nhà báo, sáng tạo ra, đều là thích-đáng cả. Trong đó còn xô-bồ lẫn lộn, có chữ dở chữ hay, Chữ hay thì sẽ đắc dụng lâu-dài ? còn chữ dở sẽ bị tiêu-diệt, nhưng chính cái khuynh-hướng của họ rất là chính-đáng, nhờ sự thí-nghiệm của họ mà quốc-văn sẽ được giàu thêm.

V. VẤN-ĐỀ SỬA ĐỔI CHỮ QUỐC NGỮ

Chữ viết của ta ngày nay là một cách dùng chữ cái La-mã để chua âm, chúng ta quen gọi là chữ « quốc-ngữ ». Từ khi chữ quốc-ngữ phổ thông và nghề in phát-đạt, người ta bắt đầu thấy những khuyết-điểm của lối chữ viết này. Điều bất-tiện thứ nhất là chữ quốc-ngữ dùng nhiều dấu, in lên sách, báo, rậm hàng và kém về mỹ-thuật. Những kẻ có não thực-tế thì phàn-nàn về sự ấ-loát, không thể dùng tất cả kiểu chữ in Âu Mỹ. Những người đã học qua chữ Hán hay chữ Pháp, lấy sự ghi nhớ mặt chữ làm quan-trọng, thì trách chữ quốc-ngữ không có tự-dạng phân-minh – vì các dấu thường làm cho lẫn-lộn – không giúp ích cho trí nhớ của người đọc.

Vì các lẽ trên, học-giả nước ta đã nhiều người muốn sửa đổi chữ quốc-ngữ cho được hoàn-toàn hơn. Người đáng ghi tên thứ nhất là ông Nguyễn-Văn-Vĩnh. Tờ báo *Trung-Bắc-tân-văn* khi còn ông chủ-trương, đã dành riêng một cột để cố-động cho lối chữ quốc ngữ mới của ông phát-kiến ra. Phương-pháp của ông chú-trọng về mấy điểm sau này :

- 1) Ǻ, Ƴ, Ơ đổi ra Á, Ú, Ó, (lấy dấu apostrophe thay cho dấu chữ)
- 2) Đ đổi ra D, và D đổi ra Y
- 3) Q đổi ra K
- 4) Lấy 5 chữ cái : F, 7, 3, W, J thay cho 5 dấu, viết đằng sau chữ. Ví dụ : Chuw kuôcq nguww moiw = chữ quốc-ngữ mới.

Sau ông Vĩnh, ông Dương-Tự-Nguyên trong tờ « Văn-học-tạp-chí », lại đi xa hơn một bước, ông chủ-trương nên bỏ hết các chữ cái có dấu a, â, ê, ô, ơ, ư, thay bằng những chữ cái đối = aa, éée, eu (bắt-chước chữ cái ăng-lê).

Đến lượt ông Lê-Dư (Sở-cuông) trong một bài diễn-văn, lại chủ-trương để nguyên 5 dấu trong những loại sách dạy ở các lớp Sơ-học, còn lên lớp trên thì bỏ lần lần tất cả các dấu. Ông lấy lẽ rằng người có học-thức khá, và xem sách báo quốc-văn đã quen, thì lúc đọc không cần dấu cũng có thể hiểu được.

Xem trên này, học-giả nước ta thật đã tận-tâm với vấn-đề cải-cách chữ quốc-ngữ. Nhưng cách sửa đổi của họ vẫn chưa được hoàn-toàn, nên đã từng làm đích cho phe phản-động. Phe này trách những kẻ đề-xướng cải cách không có óc khoa-học tí nào, vì đã lầm-lẫn chữ cái dùng để phiên-âm, với các dấu dùng để chỉ thanh. Theo họ bản-tính âm và thanh khác hẳn nhau, không thể dùng chung một thứ phù-hiệu được. Còn lấy âm-mẫu-kép (voyelles composées) thay cho âm-mẫu-đơn (voyelles simples) theo lời bàn của ông Dương-Tự-Nguyên thì cũng không căn-cứ vào một nguyên-tắc gì xác-đáng và chỉ làm cho mỗi chữ dài thêm, cố-nhiên là không tiện-tiếp trong lúc đọc lúc viết. Bỏ quách tất cả các dấu như ý-kiến ông Lê-Dư lại là một sự cải-cách quá bạo-dạn. Văn-từ nào mà mỗi chữ có một hình-dáng để phân biệt như các thứ ngôn-ngữ đa-âm và nhất là các lối chữ tượng-hình, hội-ý, như chữ Tàu, thì sự bỏ bớt dấu vẫn không hại mấy. Nhưng văn-tự nào chỉ chuyên hài-thanh (chua-âm) như chữ quốc-ngữ thì giá-trị và công-dụng các dấu cũng quan-hệ không kém gì chữ cái. Nếu đem bỏ dấu đi sẽ là một trở-lực lớn cho người đọc. Ngoài các lẽ thực-tế kể trên kia, người ta lại còn viện một lẽ khác để giữ lại 5 dấu, vì rằng : nó biểu-thị được một đặc-tính của tiếng ta là một thứ tiếng có âm-nhạc tự-nhiên.

Chúng tôi nhắc lại các cuộc tranh-luận về vấn-đề sửa đổi chữ quốc-ngữ nhưng chưa dám quyết-định về một đảng nào. Vì là một vấn-đề phiền-phức khó-khăn, muốn giải-quyết cho thích-đáng trước phải đứng về phương diện ngữ-học, nghiên-cứu tính-chất của tiếng ta một cách thấu-đáo rành-mạch ; ấy là công việc mà học-giả nước ta mới bắt-đầu lưu-tâm đến. Ở đây chúng tôi chỉ bày tỏ một vài khái-niệm ; văn-tự dùng để ghi lời nói. Ngôn-ngữ nhờ có văn tự mới phổ-cập được rộng và lưu-truyền được lâu. Một văn-tự đúng lý-tưởng cần phải giản-tiện, nhưng đồng thời lại phải chiều theo đặc-tính của mỗi thứ tiếng. Ngôn-ngữ lại theo thời-gian mà biến-hóa hoặc ít hoặc nhiều, cho nên văn-tự không phải là một vật bất-di bất-dịch mãi đâu. Chữ quốc-ngữ của ta ra đời đã ba trăm năm nay, những người sáng-chế ra nó vị-tất đã nghiên-cứu được tường-tận những đặc-tính của tiếng ta về ba phương-diện : âm, vận và thanh. Ngay từ buổi đầu nó đã trải qua vài phen sửa đổi – những người thực-hành cải-cách trước nhất có lẽ là hai ông A. de Rhôdes và

Evêque d'Adran – mới chinh đốn được tới ngày nay, thì không lẽ gì quyết-định rằng từ nay về sau nó không còn phải sửa-đổi nữa cho đến ngày hoàn-thiện. Song nói cho công-băng, thì hiện giờ những thí-nghiệm cải-cách chữ quốc-ngữ vẫn chưa thành-thục. Lỗi ấy không phải hoàn-toàn tự những kẻ đề-xướng cải-cách. Chữ quốc-ngữ của ta dùng chữ cái La-mã để phiên-âm, những phạm-vi phát-âm của tiếng ta rất rộng, không thể dùng ở trong phạm vi chữ cái La-mã. Vậy chúng ta có thể nói rằng : trừ phi đặt thêm chữ cái mới để bổ-khuyết vào, chữ quốc-ngữ của ta không bao giờ hoàn-toàn được. Tuy vậy, cải-cách là bước đường phải qua của sự tiến-bộ, cho nên vấn-đề sửa đổi chữ quốc-ngữ vẫn đáng cho học-giả nước ta lưu-ý.

VI. VẤN-ĐỀ XÁC-ĐỊNH VĂN-TỰ VÀ THỐNG-NHẤT NGỮ-NGÔN

Trong lúc vấn-đề sửa đổi chữ quốc-ngữ chưa giải-quyết chúng ta có thể làm một việc rất hữu-ích : xác-định cách viết chữ quốc ngữ để cho tiếng nói dễ được thống-nhất.

Chữ quốc-ngữ là một thứ chữ chuyên về lối phiên-âm, nên vấn-đề tự-dạng, mới xét sơ qua, hình như không có gì khó-khăn rắc-rối. Người ta chỉ nói thế nào thì viết ra thế ấy. Vẫn đành thế, nhưng có một điều-kiện thiết-yếu : là trước hết người Nam phải nói tiếng Nam cho đúng. Song-le, vì ảnh-hưởng của hoàn-cảnh thiên-nhiên, của xã-hội sinh-hoạt, của tập-quán và di-truyền, nên tiếng nói trong nước cũng tùy-thời tùy xứ khác nhau nhiều ít. Địa-thể nước ta kéo dài từ Nam chí Bắc, núi sông nhiều chướng-ngại, sự giao-thông – nhất là về thời xưa – không được dễ-dàng phát-đạt. Lịch-sử dân-tộc ta lại trải qua một thời-kỳ Nam Bắc phân-tranh (Nguyễn, Trịnh) trong khoảng vài ba trăm năm, càng làm chậm-trễ thêm cuộc thống-nhất. Tiếng nói cũng không khỏi chịu ảnh-hưởng sâu-xa của các nguyên-nhân sai-biệt về địa-dư và lịch-sử ấy. Những sai-biệt của tiếng nói có thể xét theo nhiều phương-diện :

1) Về cách phô-diễn tư-tưởng, tức là lời ăn tiếng nói của người mỗi xứ, hay của một giai-cấp, nào trong xã-hội ;

2) Về giọng nói, tức là âm-hưởng tự-nhiên của tiếng nói, trầm bổng, dài ngắn khác nhau ;

3) Về cách phát-âm.

Những sai-biệt về cách phát-âm trong tiếng ta lại có thể chia làm ba bộ-phận : Lỗi về âm (consonne) – Lỗi về vận (voyelle và diphtongue) – lỗi về thanh (các dấu).

Đồng-bào ta ở Bắc thường lẫn-lộn các âm thư :

- TR với CH = Trăm năm *nói là* chăm năm.

- S với X = Sinh-nhai *nói là* xinh-nhai
- R với GI = Ra vào *nói là* gia vào
- D với GI = Dân-tình *nói là* gân-tình

Ở Trung-kỳ từ Huế trở vào Nam-kỳ, người ta hay lẫn-lộn về vận :

- An-nhàn *nói là* ang-nhàng
- Xan-xát *nói là* Xang-xác
- Sơn-hà *nói là* Song-hà
- Tin-cây *nói là* Ting-cây

Ở phía bắc Trung-kỳ ít lẫn-lộn về âm, vận, nhưng lại lẫn lộn về thanh : như không phân-biệt dấu hỏi và dấu ngã (tệ này chung cho tất cả Trung và Nam-kỳ).

Trên này là nói sơ-lược về những lỗi tiếng nói (âm, vận và thanh) chung cho mỗi miền (Trung, Nam, Bắc). Nhưng kể đến chi-tiết của những sự sai-biệt trong tiếng nói từ Nam chí Bắc thì không thể kể xiết. Vì nhiều khi, cũng trong một miền mà tỉnh này qua tỉnh khác, có khi trong một địa-hạt nhỏ mà vẫn có sự sai-biệt ấy. Hoặc có khi cùng một tỉnh mà người quê, kẻ chợ nói khác nhau. Như : Rộng = ruộng ; Vừa = bừa = vừa ; Nạy = lạy ; Phá = khóa ; tin = tên ; ...

Phát-âm không đúng chính là nguyên-nhân gây nên những lầm-lỗi trong lúc viết. Bởi thế chúng ta thấy trong sách vở báo-chí quốc-văn hằng ngày nhan-nhãn những chữ viết trật, « những phốt » rất là chướng mắt. Xem thế thì phát âm cho đúng là một sự rất quan trọng.

Muốn bổ-cứu một cách triệt-để cái tình-trạng ấy, không gì hơn khiến tất cả mọi người Việt-Nam nói tiếng Việt-Nam cho đúng. Xưa nay chưa ai nghĩ tới phương-pháp này, một, có lẽ vì thực-hành cho được là một việc to tát khó-khăn, hai, có lẽ vì phần đông chúng ta chưa nhận thấy cái tệ hại ấy một cách rõ-ràng. Chúng tôi thiết-tưởng học-đường chính là chỗ có thể bắt-đầu sự cải-lương đó. Nếu từ lớp Đồng-ấu trở lên, trong mỗi giờ tập đọc, các học-sinh đều tập luyện cách phát âm cho đúng, thì rồi lần lần chúng sẽ chữa-sửa

được những chỗ sai-lầm, và khi đã phát-âm được đúng, mỗi vần mỗi tiếng ? thì viết ra tự-nhiên hợp cách không còn khó-khăn ngần-ngại gì nữa.

Như trên kia đã nói, ngoài những lỗi về âm thanh, vận, tiếng nói ba kỳ Trung Nam Bắc, lại còn phân-biệt ra mỗi nơi mỗi giọng khác nhau. Đại-để tất cả Bắc-kỳ vào đến Thanh-hóa nói theo giọng « Bắc ». Nam-kỳ gồm các tỉnh phía nam Trung-kỳ nói theo giọng « Nam » ; và Trung-kỳ từ Nghệ-an vào tới Huế nói theo giọng « Trung ». Những nguyên-nhân gây ra sự phân-biệt từng giọng rất là phức-tạp, trong đó, một phần lớn thuộc về xã-hội (tính bắt-chước) về lịch-sử (sự chia-cách ở thời-gian) về địa dư (sự chia-cách ở không-gian), về hoàn-cảnh thiên-nhiên (ảnh hưởng đến sự phát-triển sinh-lý).

Cũng vì thế mà giọng nói có quan-hệ ít nhiều với tính-tình và cách phô-diễn tư tưởng của người mỗi xứ, ngôn-ngữ cũng như tính-tình của người Nam thì mau-mẫn trực-tiếp, ngôn-ngữ và tính-tình người Bắc thì văn-hoa, lễ-độ, ngôn-ngữ và tính-tình của người Trung thì ôn-hòa điềm-đạm v.v...

Tuy-nhiên trong vấn-đề bảo-tồn và thống-nhất ngôn-ngữ chúng ta bàn đây, giọng nói vẫn không quan-hệ bằng âm-vận. Nói một cách khác, thì những sai-biệt về âm, thanh, vận đáng cho ta chú-trọng hơn và cũng cần đính-chính trước đã. Vì sự đính-chính ấy có một mục-đích rõ-ràng xác-đáng = tiếng ta là một thứ tiếng độc-âm, những chữ đồng-âm dị nghĩa homonyme rất nhiều nên thường hay lẫn lộn. Muốn tránh chỗ nhược-điểm ấy, chúng ta cần phải dùng tất cả những tài-liệu – rất dồi-dào – của chúng ta về âm, thanh vận, không nên bỏ sót một âm, một thanh, hay một vận nào. Và phải sử-dụng những âm, thanh, vận ấy cho nhất-luật, thì tiếng nói của chúng ta mới có thể hoàn-toàn thống-nhất được.

VII. MỘT THỂ VĂN XUÔI VIỆT-NAM

Chúng ta đã thấy thơ, phú xuất hiện từ đời Trần. Đến đời Lê lại có kinh-nghĩa và văn sách. Hai lối văn này về nội dung hơi giống những bài luận-văn làm theo một khuôn-sáo nhất-định, về văn-từ thì có thể xem là một bước đầu của tản-văn. Tuy vậy, một thể văn xuôi hoàn-toàn vẫn chưa thấy dấu-vết ở trên lịch sử các thời-đại ấy. Gián hoặc cũng có những thư-tín của người tư viết bằng văn xuôi, nhưng không lưu-truyền lại. Và khi Hồ-Quý-Ly đem kinh-truyện của Tàu dịch ra tiếng ta, chừng đã dùng văn vần hay văn xuôi, chúng ta cũng không thể biết được. Mãi đến thế-kỷ thứ 18, dưới triều chúa Nguyễn và đời Tây-sơn người ta mới thấy quốc-âm được dùng để thảo những chiếu chỉ của triều-đình hay những tấu, biểu của các quan. Chẳng hay sự mở mang ấy là do tư-tưởng bài-xích người Tàu mà ra, hay chẳng qua vì Hán-học ở phương nam chưa phát-đạt và đã bị tiêu-điều trong buổi loạn-lạc chiến-tranh, các vị võ-quan hồi bấy giờ nhiều người không thông chữ Hán, nên bất-đắc-dĩ phải dùng chữ nôm để thay vào ? Nhưng dầu sao, sau khi vua Gia-long thống-nhất Nam Bắc thì cái học chữ Hán lại hưng-vượng, và quốc-âm cũng liền mất địa-vị ấy.

Nay xét ra cái mầm quốc-văn đến đây gần như bị nghẹt, không sinh hoa kết quả được, một là vì thế-lực của Hán-học hãy còn mạnh, hai nữa là vì ta chưa có một thứ chữ thích-hợp hơn lối chữ nôm. Song nếu một mai thế-lực của Hán-học bị lung-lay, suy-mòn, mà tiếng ta lại có được một thứ chữ tiện-tiếp để làm lợi-khí thì tình-thế sẽ đổi hẳn. Ấy chính là đặc-sắc của thời-đại này.

Cái lợi khí mà tôi muốn nói đó là chữ quốc-ngữ, một lối văn-tự dùng chữ cái La mã và năm dấu để phiên-âm tiếng ta. Thủy-xương là các nhà truyền-giáo Gia tô người Bồ-đào-Nha, qua ở xứ ta vào thế-kỷ 16, 17. Về sau nhờ có hai ông giám mục người Pháp là Bá-đa-lộc (Evéque d'Adran), và Alexandre de Rhodes sửa-sang lại mới thành thứ chữ quốc-ngữ chúng ta dùng ngày nay. Nguyên lúc đầu các nhà truyền-giáo ngoại quốc dùng lối chữ ấy làm phù-hiệu để ghi-chép tiếng ta mà họ cần phải học, cho tiện bề giao-

thiếp với người bản-xứ và trong việc giảng đạo ; rồi sau lại đem dùng dịch kinh Thánh cùng các sách đạo để giảng dạy cho các tín-đồ. Thế là mầm-mống quốc-văn đã nảy nở ở trong Giáo-hội.

Đến lúc thời-thế đổi thay, cái học chữ Hán càng ngày càng suy dần, nhường chỗ cho tân-học, chữ quốc-ngữ càng ngày càng đặc-dụng và phổ-cập trong quốc-dân. Ấy chính là cơ-hội khiến cho quốc-văn phát-triển một cách mau-chóng lạ thường. Đào-tạo một nền văn xuôi Việt-Nam có giá-trị, có thể dùng làm công-cụ cho văn-hóa, chính là mộng-tưởng của học-giả nước ta khoảng 3, 4 mươi năm về trước. Lịch-trình tiến-hóa của văn xuôi Việt-Nam đại-lược đã trải qua ba thời-kỳ, mỗi thời-kỳ đều có chịu một ảnh-hưởng đặc-biệt.

Trong thời-kỳ thứ nhất quốc-văn chịu ảnh-hưởng rất rõ-rệt của Hán-văn. Các nhà văn bấy giờ phần nhiều xuất-thân trong đám cựu-học. Chỉ họ mới đủ tư-cách đảm-đương một cây bút trên văn-đàn để lãnh-đạo quốc-dân. Lẽ cố-nhiên họ cung-hiến cho nền quốc-văn mới phôi-thai, tất cả nghệ-thuật của họ đã trau-dồi được trong lúc theo đuổi Hán-văn. Đặc-sắc trong lối viết văn của họ là dùng rất nhiều danh-từ chữ Hán, và những điển-tích mượn trong văn học cổ-điển Tàu. Họ dùng chữ rất đúng nhưng lời văn không được tự-nhiên thình-thoảng lại có những câu đối-trọi nhau như lối văn biên-ngẫu.

Thời-kỳ thứ hai quốc-văn bắt đầu chịu ảnh-hưởng của Pháp-văn. Các nhà văn trẻ tuổi thuộc về phái tân-học đã từng được thưởng-thức những tác phẩm trữ-danh trong văn-học Pháp, lại không quen với lẽ-lối văn xưa, nên tự-nhiên họ có khuynh-hướng mô-phỏng theo văn xuôi Pháp trong lúc viết văn quốc-ngữ. Lối viết văn của họ thoát ra ngoài khuôn-sáo cũ, rõ ràng dễ hiểu hơn, nhưng khi thái quá thì lại hóa ra lối văn ngô-nghe kỳ-dị không được trôi chảy như lối văn xưa. Họ dùng chữ thường hay sai-lầm, nhất là về danh-từ Hán-Việt.

Chúng ta không thể vạch rõ chỗ tiếp-tục hai thời-kỳ trên kia. Cũng như trong bút-pháp của các nhà văn hiện-thời, chúng ta khó lòng phân-biệt được phần nào là sở-đặc ở một trong hai ảnh-hưởng ấy. Vẫn đành rằng phái cũ hay phái mới, bên nào cũng có một hạng văn sĩ cố-chấp theo thành-kiến,

hoặc cho quốc văn không thể lìa bỏ lẽ-lối khuôn-mẫu của Hán-văn, hoặc trái lại, muốn cho quốc-văn bắt-chước hết theo mẹo-mực của văn xuôi Pháp. Nhưng chúng ta phải công-nhận có một số nhà văn thức-thời đã có học-vấn rộng rãi gồm cả tân và cựu, lại khéo đem ứng-dụng vào quốc-văn những đặc-tính hay trong văn cổ-điển Tàu và trong văn xuôi Pháp. Cho nên lối văn của họ đã vừa trang-nghiêm nhã-nhận lại vừa trong-sáng dễ-dàng.

Tương-lai văn quốc-ngữ chắc là ở trong sự điều-hòa khéo-léo ấy, thêm vào cái tinh-thần đặc-biệt của tiếng ta. Ấy là thời-kỳ thứ ba trong lịch-trình tiến-hóa của văn xuôi Việt-Nam vậy.

Một ngôn-ngữ có một tinh-thần riêng, tiêu-biểu tâm-hồn của dân tộc và thích-hợp với cách vận-dụng tư-tưởng của người ta. Chúng ta có thể mượn ở ngôn-ngữ của một dân-tộc khác những cái gì làm cho tiếng ta thêm giàu, thêm hay, nhưng bao giờ cũng phải thuận theo tinh thần tiếng ta trước đã. Muốn giải-thích một ngôn-ngữ không phải là dễ, người ta có thể lĩnh-hội, nhưng nói ra rất khó. Tinh-thần tiếng ta có lẽ là ở những đặc-tính trong sáng, nhẹ-nhàng và ở sự hòa-hợp thanh-âm, tức là âm-nhạc tự nhiên trong tiếng nói. Không gì làm cho ta khoan-khoái bằng khi được đọc một câu văn, hay nghe một lời nói có tính-chất hoàn-toàn Việt-Nam. Trí ta hiểu được ngay, tâm ta cảm đến ngay. Những thí-nghiệm gần đây của vài văn-sĩ hiếu-kỳ muốn xáo-trộn cả tinh-thần của tiếng ta, bắt phải theo những cách diễn-đạt tư-tưởng trái hẳn với tinh-thần ấy, chỉ là những cuộc thí-nghiệm điên-cuồng không thể đứng vững được. Một lối văn như thế nếu có nhiều người phụ-họa chẳng nữa, cũng không thể phổ-thông cho cả dân-tộc, chẳng qua là một thứ ân-ngữ riêng cho một hạng người hiểu biết lẫn nhau mà thôi.

VIII. KHÁI-LUẬN VỀ VĂN-HỌC VIỆT-NAM HIỆN-ĐẠI

Lịch sử văn-học hiện-đại ở nước ta có thể chia ra hai thời-kỳ lớn :

Thời-kỳ thứ nhất là công-trình các nhà phiên-dịch. Phong-trào sáng-tác trong văn-học hầu còn vắng-vẻ. Tiếng Việt-Nam tuy nhờ có chữ quốc-ngữ và nghề báo phát-đạt nên đã tiến bộ được nhiều và có thể làm tài-liệu cho những tác-phẩm về văn học. Nhưng bất-cứ văn-học nào, không thể đương không gây-dựng lên được, tất phải có nền-tảng rồi sau mới phát-đạt. Nền-tảng đây tức là sự tập-truyền của người lớp trước để lại và người sau kế-tiếp nói theo. Tập-truyền ấy các nhà văn ta, trong buổi văn-học sơ-khai, tuyệt-nhiên không biết tìm vào đâu, vì các bậc tiền-bối ở mấy thế-kỷ trước không hề viết-lách bằng quốc-âm, trừ ra một ít thơ, phú.

Tuy chính họ là những kẻ tiền-khu trong cuộc vận-động văn-học ngày nay, lớp học-giả nước ta về khoảng 3, 4 mươi năm trước, đã từng chú-trọng đến vấn-đề cải-tạo tinh-thần và nâng cao trí-thức cho quốc-dân hơn là vấn-đề văn-học. Khẩu-hiệu của họ lúc bấy giờ là thâm-thái trong hai văn-hóa Đông, Tây những cái gì có thể giúp trong công việc cải-tạo tinh-thần, trí-thức ấy. Bởi thế họ đua nhau dịch sách Đông, Tây về các loại triết-học, luân-lý, và ít nhiều tác-phẩm văn-học có tính-cách xã-hội. Ở Nam-kỳ thì các ông Trương-Vĩnh-Ký, Paulus Của là những kẻ tiên-phong, ở Bắc-kỳ bộ biên-tập hai tờ *Đông-dương tạp-chí* và *Nam-Phong* đã ghi nhiều thành-tích tốt đẹp trong công việc ấy. Sự phiên-dịch là một phương pháp làm cho tiếng ta thêm giàu, và đồng-thời đem vào địa-hạt văn-học của ta những trang kiệt-tác trong văn-học Tàu và ít nhiều kịch-bản cùng tiểu-thuyết Tây.

Thời-kỳ thứ hai mới thật là bắt đầu một phong-trào sáng-tác văn-học. Việc học trong nước càng ngày càng mở-mang, và sự khuếch-trương về kinh-tế đã đem lại cho một số đông quốc-dân một đời sống về vật-chất dồi-dào hơn trước, người ta thấy trong xã-hội Việt-Nam nhóm thành một phái trí-thức mới cùng một giai-cấp tiểu-phú-hào. Trên lớp đa-số quốc-dân hầu còn

mãi xem tiểu-thuyết Tàu diễn-nghĩa, như *Tam-quốc*, *Tây-du*, *Phong-thần*, *Thủy-hử*..., một công-chúng độc-giả có học thức đã bắt-đầu biểu-lộ những ham-thích về văn-học và mỹ-thuật, càng ngày càng tinh-tế. Các nhà văn trước kia chỉ chuyên về dịch-thuật thì nay cũng đã tự mình trứ-tác ít nhiều, và nhất là cả một thế-hệ trẻ-trung vừa thích cánh chen vai trên đường văn-nghiệp. Ấy là những nguyên-nhân gây nên sự sản-xuất bùng-bọt trong văn-học hiện-thời.

Tiểu-thuyết là một thể văn-học thịnh-hành nhất trong khoảng gần đây. Về văn-từ, các nhà văn đã tạo nên một lối văn tiểu-thuyết rất mới, có những tính-cách nhẹ-nhàng, uyển-chuyển, trong-sáng và bóng-bẩy. Nhưng một lối văn rần-rỏi và mạnh-mẽ hùng-hồn thì chúng ta hãy còn mong đợi được thấy. Về nội-dung, tuy các văn-sĩ thường hay bắt-chước lẫn nhau, hay mô-phỏng theo cốt-truyện của tiểu thuyết Tây, nhưng một đôi khi chúng ta cũng đã được xem những tác-phẩm có giá-trị đặc-biệt về cách kết-cấu. Các nhà văn cũng bắt-đầu kết thành đoàn-thể, như nhóm Tự-lực văn-đoàn, và nhiều văn-đàn khác mới ra đời. Những tiểu-thuyết của nhà văn Khái-Hưng trong Tự-lực văn-đoàn được công-chúng độc-giả hoan-nghênh nhiệt-liệt, và đánh dấu cái trình-độ của tiểu-thuyết Việt-Nam hiện-thời.

Cùng với tiểu-thuyết, một thể văn khác cũng được công-chúng ưa-chuộng : lối văn phóng-sự, dễ viết và dễ hiểu hơn. Về kịch-bản, sau cuốn « Chén thuốc độc » được nổi danh một thời, hình như chưa có những thành-công đáng kể. Sự khuyết-hạm ấy không phải tự các nhà văn ta bất-tài. Sự thực, một tác-phẩm về kịch, từ nào sáng-tác của nhà văn đến sự thưởng-thức của công-chúng, còn phải trải qua nhiều nỗi khó-khăn về thực-tế mà ở xã-hội ta chưa giải-quyết được một cách vẻ-vang. Chúng tôi muốn nói nghề dàn-cảnh và nghệ-thuật các vai trò, hiện nay còn ở trong thời-kỳ tập-luyện.

Ở địa-hạt thi-ca chúng ta cũng thấy một phong-trào đổi mới rất sôi-nổi. Các nhà thơ trẻ tuổi, khuynh-hướng về thi-ca Pháp, và khao-khát đi tìm những nguồn mỹ-cảm mới lạ, thường lấy làm bất-mãn cho cái khuôn-khố chật-hẹp và nghiêm-khắc của lối thơ cổ-điển. Họ quyết phá bỏ những lề-lối

cũ để tự tạo ra một nền thơ hoàn-toàn mới. Những cuộc tranh-luận về thơ mới, thơ cũ do đó gây nên đã lắm phen gay-gắt.

Muốn hiểu rõ ý-nghĩa cuộc vận-động thơ mới ngày nay, chúng ta nên lùi lại quá-khứ của thi-ca Việt-Nam từ mấy thế-kỷ trước. Từ xưa, ta vốn có hai thể thơ : một thể theo lối ca-dao và những biến-thể của nó, ấy là thơ lục-bát, song-thất lục-bát, hát ả-đào, hát xẩm, v.v... và một thể bắt-chước theo thơ Tàu phần nhiều là lối thơ Đường-luật.

Trong một thể ấy, chỉ có thể thứ nhất là hoàn-toàn của dân Việt-Nam sáng-tạo ra, và đã sản-xuất một áng văn-chương kiệt-tác là truyện *Thúy-Kiều*. Còn thể thứ nhì là một thể thơ mượn, thì thật chưa hề sản-xuất được một nền thi-ca bất-hủ, chỉ trừ ra một số ít tác-phẩm có giá-trị, vì lời thơ được vẻ tự-nhiên và ý thơ cũng do nơi cảm-xúc thành-thực phát-lộ ra, còn phần nhiều các thi-nhân chỉ đua nhau ở chỗ dùng chữ cho đắt, đối trọi cho cân, gieo những vần cho khó, tìm những điển-tích cho lạ. Những tác-phẩm như thế không có gì đáng gọi là « hồn-thơ » lai-láng và nhất là không có sức đồng-cảm sâu-xa. Cuộc vận-động thơ mới có ý-nghĩa là phản-động lại những lề-luật bó-buộc của thơ Tàu, để trở lại với tinh-thần thi-ca của dân-tộc. Điệu thơ lục-bát, bởi thế, vẫn được các nhà thơ mới trọng-dụng ; và điệu thơ tám chữ – mà người ta có thể ngờ rằng họ đã bắt chước câu thơ tám chữ trong Pháp – thì tình-cờ cũng lại là điệu thơ trong thể ca-trù, một thể thơ hoàn-toàn Việt-Nam.

Ở địa-hạt thi-ca cũng như ở địa-hạt khác trong văn-học Việt-Nam hiện-đại, chúng ta sẽ thấy những sự cải-cách táo-bạo cũng như những bước trở lại bất-ngờ về cội-gốc. Song trên con đường tiến-hóa không ngừng ấy, các nhà thơ cùng các nhà văn Việt-Nam nên đặt mình trên những cuộc tranh-luận nhất-thời để cùng nhằm theo một đích chung : ấy là cái sứ-mệnh về xã-hội và quốc-gia, mà họ phải làm cho trọn-vẹn. Văn-học trước khi là một món tiêu-khiển, phải là đồ ăn của trí-não tinh-thần. Văn-học phải đi sát với cuộc đời cảnh thực-tế trong xã-hội, với cái lớn-lao cũng như cái tồi-tàn của nó, sẽ cung tài-liệu cho văn-sĩ và thi-sĩ ta để tạo nên những tác-phẩm văn-chương có khí-lực mạnh-mẽ.

Một điều dễ nhận thấy là văn-học Việt-Nam ngày nay chịu ảnh-hưởng đậm-đà của văn-học Pháp. Người ta có thể nói không ngoa rằng : văn-học Việt-Nam ngày nay ra đời, một phần lớn là nhờ các nhà văn ta được rèn-tập trong trường văn-học Pháp. Thật vậy các nhà văn ta đã thâm-hoạch tất cả kỹ-thuật về văn-chương của họ trong khi gần-gũi với những tác-phẩm trứ-danh của các văn-gia Pháp. Họ đã học theo các văn-gia Pháp từ cách phô-diễn ý-tưởng cho đến cách tưởng tượng và cấu-tạo nên một công-trình văn-học. Song xét cho kỹ, ảnh-hưởng ấy tuy vẫn lớn lao nhưng chỉ ở hình-thức mới rõ-rệt chứ ở tinh-thần thì vị-tất đã sâu-xa. Ấy là bởi giữa hai nền văn-minh Âu, Á, giữa hai xã-hội Cực-Đông và Cực-Tây, có những chỗ bất-đồng về bản-chất, về tâm-lý và trình-độ tiến-hóa, làm trở-ngại cho những cuộc trao-đổi sâu-xa về tinh-thần, như giữa hai văn-học đồng thời ở Âu-châu chẳng hạn.

Thi-ca có khi đứng ra ngoài lệ. Một nhà tiểu-thuyết phải tìm trong hoàn-cảnh xã-hội những tài-liệu để viết nên tác phẩm của mình. Nhưng một nhà thơ có thể tìm đến những nguồn mỹ-cảm thuần-túy cao-siêu, là chỗ quê-hương của tất cả những bậc thiên-tài trong nhân-loại. Như là để tỏ rõ tinh-thần siêu-việt của thi-ca, chúng ta có thể kể một vài tác-phẩm của thi-sĩ Việt-Nam hiện-thời, chịu ảnh-hưởng trực-tiếp của Musset hay Lamartine, Verlaine hay Baudelaire, mà vẫn nói ra được những lời khiến lòng ta cảm-động.

Các nhà văn ta hiện-thời ham tìm những cái mới lạ vẫn là chính-đáng. Song tiếc thay họ đã bỏ qua một kho-tàng rất quý-báu là nền văn-học Tàu ở những thời cực-thịnh. Đối với môn học cổ-điển Hán-Việt hình như càng ngày người ta càng thờ-ơ lãnh-đạm. Tuy-nhiên, trong kho văn học của người Tàu, cùng trong di-sản của hơn ngàn năm Hán-học ở xứ ta, các nhà văn ta hiện-thời còn có thể tìm kiếm được những ông thầy đáng tôn-kính, và nhất là vô-số những cốt truyện rất thiết-cận với nhân-tình. Cái học cổ-điển cần phải chấn-chỉnh lại vì chẳng những nó quan-hệ đến tiếng ta và văn-học của ta, nó lại còn quan-hệ đến sự đào-tạo tinh-thần của chúng ta nữa.

IX. MỘT QUỐC-GIA VĂN-HỌC-VIỆN VIỆT-NAM

Một văn-học-viện lập tại Huế, có hội-viên lưu-trú ở Nam, Bắc-kỳ và gồm những nhân-vật trứ-danh trong trí-thức giới Việt-Nam, sẽ có lợi-ích rất lớn cho ngôn-ngữ và văn-học nước nhà. Chỉ có một học-hội do quốc-gia thiết-lập, mới có tính-cách lâu-dài, và đủ tư-cách để thực-hành trọn vẹn cái công-việc lớn lao là làm cho quốc-âm ngày càng phong-phú, hoàn-thiện, thống-nhất, và quốc-văn ngày càng phát-đạt.

Không dám sánh với những văn-học-viện của các nước văn-minh tiên-tiến, viện Văn-học Việt-Nam tương-lai sẽ có những công-việc cần-thiết như là biên-soạn một bộ Việt-ngữ từ-điển, một cuốn Việt-ngữ văn-pháp và sáng-lập một Quốc-gia đồ-thư-quán.

Hiện nay chúng ta đã có những bộ từ-điển hoặc tự-điển : Pháp-Việt, Việt-Pháp và Hán-Việt có thể cho là hoàn-bị. Nhưng hãy còn thiếu một bộ Việt-ngữ từ-điển đại-đoàn. Hội Khải-trí tiến-đức ở Bắc-kỳ trước kia đã khởi-thảo nhưng còn bỏ dở. Một bộ từ-điển hoàn-toàn theo ý-nghĩa nói trên phải góp nhặt tất cả tiếng Việt-Nam hiện nay thông-dụng, cùng tất cả những danh-từ Hán-Việt nhập-tịch vào tiếng ta, thêm vào những tiếng lai-Pháp hay mượn ở các thứ tiếng ngoại-quốc, ngoài tiếng Tàu và tiếng Tây. Công-việc ấy nên chia ra nhiều ban. Để làm nên một bản mục-lục tiếng Nam đầy-đủ, ban chuyên-môn sẽ có những hội-viên thường-trú ở khắp trong nước. Họ phải trực-tiếp với tất cả hạng người trong các nghề-nghiệp, để ghi lấy những tiếng thông-dụng trong mỗi nghề. Ban chuyên-môn về tiếng Hán-Việt nên chú-ý đến những chỗ sai-lầm về nghĩa chữ mà ngày nay những người viết văn quốc-ngữ thường dùng một cách rất hàm-hồ. Những chỗ sai-lầm ấy cần phải đính-chính ngay, trừ ra những chữ xưa nay người mình vẫn quen dùng theo một nghĩa khác với nguyên-nghĩa của nó.

Muốn hiểu-biết tinh-tường và giảng-dạy một thứ tiếng đầu là tiếng mẹ đẻ cũng vậy, tất phải nghiên-cứu đến bản-chất và cách sử-dụng thứ tiếng ấy,

cùng là những pháp-tắc qui-định sự tiến-hóa của nó. Ấy chính là chủ-yếu việc biên-soạn một quyển Việt-ngữ văn-pháp.

Tiếng ta là một thứ tiếng rất ít biến-hóa, cách đặt câu – cú-pháp – cũng không phiền-phức, cho nên văn-pháp có thể giản-dị. Tuy-nhiên chúng ta không nên bắt-chước hệt theo nội dung của bất-kỳ một quyển văn-pháp nào để viết ra một quyển văn-pháp tiếng Nam. Mỗi ngôn-ngữ có một tinh-thần riêng, không thể rập theo khuôn-mẫu của một ngôn-ngữ khác. Chúng ta phải phát-xuất cái tinh-thần của tiếng ta trước đã, tức là suy-tầm cái bản chất và những pháp-tắc sử-dụng của nó, rồi sau bằng theo đó viết ra một quyển văn-pháp tiếng Nam, mới thật là hợp-lý vậy.

X. QUỐC-VĂN VÀ HÁN-VĂN TRONG CHƯƠNG-TRÌNH GIÁO-DỤC

Vấn-đề lựa một thứ tiếng môi-giới cho nền phổ-thông giáo-dục ở xứ ta đã gây ra lắm cuộc bàn-cãi náo-nhiệt. Rút lại, lẽ phải đã giữ được phần hơn. Một nền phổ-thông giáo-dục cho người Việt-Nam chỉ có thể thực-hành bằng tiếng Việt-Nam mà thôi. Ở đây chúng tôi tưởng không cần nhắc lại vấn-đề ấy nữa. Chúng tôi chỉ muốn nói cái địa-vị đương-nhiên của hai môn quốc-văn và Hán-văn dùng làm khoa văn-học ở các lớp dạy từ tiểu-học trở lên.

Khoa Việt-văn ở các lớp dưới trong sơ-đẳng tiểu-học chỉ bắt đầu bằng cách dạy cho học-sinh về tiếng một và ít nhiều từ-ngữ. Học-sinh sẽ tập phát-âm cho đúng, học vỡ lòng về khoa văn-pháp, tập đặt câu và viết những bài ngắn-ngắn về những đầu đề rất dễ.

Lên các lớp sơ-đẳng trên mới thật bắt-đầu dạy văn-học. Ngoài các môn dạy thường như tập đọc, bài học thuộc lòng và luận-văn, học-sinh lại học rộng về văn-pháp, và chú-ý đến tự-dạng để viết chữ cho đúng. Các bài học và giảng thì hãy nên lựa những đoạn văn của các văn-sĩ cận-đại, vì đó là lối văn hợp với giai-đoạn tiến-hóa của tiếng ta ngày nay, hơn là lối văn cổ-điển hay thơ phú xưa.

Lên các lớp cao-đẳng tiểu-học đại-khái cũng cứ giữ những môn ấy, nhưng dạy thêm về thơ phú quốc-âm và những đoạn văn dịch trong văn cổ-điển và cận-đại Tàu, cùng những đoạn văn dịch các tác-phẩm trữ-danh trong văn học Pháp. Học-sinh sẽ nhận-thức cái ảnh-hưởng của hai văn học Tàu và Tây đối với sự tiến-hóa của quốc-văn. Lên các lớp Trung-học và Cao-đẳng, môn văn-học cổ-điển Hán-Việt lại nên mở rộng thêm nữa.

Nhưng từ cao-đẳng tiểu-học trở lên, việc giáo-dục chuyên dùng tiếng Pháp làm môi-giới, nên thì-giờ giảng-tập quốc-văn tất-nhiên phải hạn-chế. Muốn bổ-khuyết cho tình-trạng ấy, chúng tôi xin cho dùng tiếng Nam để dạy khoa Việt-sử ở tất cả các lớp. Sử học là một phương-pháp thần-diệu để hun-đúc tinh-thần và luyện tính-cách của dân-tộc. Học lịch-sử sẽ gây cho chúng

ta một tư-tưởng quốc-gia chân-chính và giúp ta nhận-thức cái di-sản của đời trước để lại. Bởi vậy dùng tiếng Nam để dạy sử Nam là một việc rất nên mong mỗi được thi-hành, cái lợi-ích đối với tiếng ta và sự huấn-luyện tinh-thần của chúng ta đều trọng-đại.

Phương-pháp dạy chữ Hán ở các trường Pháp-Việt ngày nay hình như không có chuẩn-đích nhất-định và hiệu-quả cũng chẳng được bao lắm. Đối với đa-số học-sinh, lớp học chữ Hán chỉ là một lớp « trống », một giờ « chơi » hay là một món làm thêm bề-bộn chương-trình học-khóa mà thôi. Cái lợi-ích đối với họ sau khi ra trường cơ-hồ như không có vậy.

Việc học chữ Hán ở các trường cần chấn-chỉnh lại, và theo ý chúng tôi, nó phải theo hai mục-đích : một gần, một xa.

Mục-đích gần là dạy cho trẻ con An-Nam một số ít chữ Hán có quan-hệ đến lịch-sử hay nhân-sinh-quan của người mình : những câu chữ Hán mà chúng nó thường thấy khắc ở các đình, miếu chùa, đền, các nhà thờ-tự, những câu đối, những bài văn bia ngăn-ngăn, có ghi dấu một vết gì về quá-khứ, hay một tư-tưởng gì của ông cha ngày xưa để lại.

Có kẻ sẽ bảo mục-đích như thế hẹp-hòi và thiếu-cận. Nhưng chúng ta có thể mong gì hơn với một khoa-học Hán-văn mỗi tuần chỉ có một giờ ?

Mục-đích cao-xa là dạy cho học-sinh ban Cao-đẳng tiểu-học và trung-học, có một cơ-sở và một phương-pháp, để những người hiếu-học có thể ngày sau tự mình nghiên-cứu Hán-văn cho đến bậc thâm-thúy. Học-trò sẽ học qua 214 chữ cái, tức là 214 bộ dùng để kết-hợp nên tất-cả các chữ khác. Họ sẽ học kỹ-lưỡng về văn-pháp trong hai lối văn cổ-điển và cận-đại, rồi đến văn-pháp của tiếng Bạch-hoại là một lối văn phổ-thông ở Tàu ngày nay, cũng tựa như văn quốc-ngữ của ta. Đồng-thời họ sẽ học mặt chữ những danh-từ Hán-Việt mà ngày thường họ đã hiểu nghĩa. Rồi đến học những bài Hán-văn mà trong giờ quốc-văn đã dịch ra để giảng dạy cho họ rồi. Sự liên-lạc mật-thiết ấy giữa hai lớp quốc-văn và Hán-văn, chủ-ý là để cho học-trò khỏi phí nhiều tâm-lực, vì mỗi bài Hán-văn đều học qua hai lần, và như thế hiệu-quả sẽ chắc-chắn hơn. Học-trò lại sẽ có dịp so-sánh ngữ-pháp của tiếng

ta và văn Tàu, tiếng Tàu. Lấy mỗi tuần chỉ có một giờ học chữ Hán thì trong bốn năm cao-đẳng tiểu-học phỏng chừng có 150 giờ. Với thời-gian ấy, chương-trình học-khóa chúng tôi vừa mới phác-họa như trên có thể thực-hành được dễ-dàng. Học-sinh nào trong 4 năm ấy đã nghiên-cứu được tinh-tường về văn-pháp của Hán-văn, ngày sau nếu có chí hiếu-học, sẽ có thể tự mình học lấy với trong tay một cuốn Hán-Pháp hay Hán-Việt từ-điển.

XI. KẾT-LUẬN

Trong khi xét qua các phương-diện của vấn-đề Việt-ngữ, chúng tôi đã cố ý nhập-chung ngôn-ngữ với văn-học là hai phạm-vi phân-biệt hẳn nhau. Khi đả-động đến vấn-đề ngôn-ngữ, chúng ta chỉ xem ngôn-ngữ như là công-cụ của văn-học và khi đề-cập đến văn-học chúng tôi chỉ xem văn-học như là sản-vật của ngôn-ngữ đã tiến-hóa đến một trình-độ thấp hay cao. Nói tóm lại, chúng tôi chú-trọng về chỗ liên-lạc quan-hệ giữa hai hệ-thống ấy và lấy năng-lực tiến-hóa của tiếng Việt-Nam làm tiêu-chuẩn cuối-cùng.

Thật ra ngôn-ngữ cũng như văn-học đều là con đẻ của sự sinh-hoạt xã-hội và cùng chịu ảnh-hưởng của những nguyên-nhân khác thuộc về chánh-trị, kinh-tế, hay xã-hội nó dẫn đưa bước đường tiến-hóa của một dân-tộc. Song những vấn-đề to-tát phiền-phức ấy vượt hẳn ra ngoài phạm-vi nhỏ-hẹp của cuốn lược-khảo này ; và không dung-hợp với tính-cách đặc-biệt mà chúng tôi muốn giữ lại cho vấn-đề ngôn ngữ.

Vả lại văn-học vốn là biểu-thị của nhân-sinh, tự nó cũng có một sức mạnh gây nên những phong-trào tư-tưởng mới, và thay-đổi phong-tục trong một nước. Nếu chỉ mong-chờ ở những trường-hợp tiện-lợi mới có thể phát-biểu những khuynh-hướng văn-học của chúng ta, thì là một cách lý-luận ngược lại. Chưa kể rằng sự phát-triển của văn-học, suy cho cùng, cũng phải lấy trình-độ tiến-hóa của ngôn-ngữ làm giới-hạn. Một nền văn học Việt-Nam phải là tấm gương phản-chiếu rất trung-thành những tính-cách tinh-thần, cùng nhân-sinh quan của người Việt-Nam và phận-sự liên-gắn của nó là phát-biểu những nguyên-vọng thiết-tha của hiện-tại.

Muốn thực-hành cái sứ-mệnh ấy một cách hoàn-toàn đầy-đủ, phải nhờ ở công-trình sáng-tác của một thiên-tài lỗi-lạc. Nhưng để dọn đường mở lối cho cái ngày vinh-quang ấy, phải cần đến cả một thế-hệ thi-nhân văn-sĩ làm đội tiên-phong. Vậy tất cả những ai yêu tiếng nước nhà nên gắng công trau-dồi cho thứ tiếng ấy ngày càng phong-phú, hoa-mỹ để mong có ngày xuất-hiện một nền văn-học xứng đáng vẻ-vang.

Cái mệnh vận của tiếng Nam thật cũng lạ-lùng ! Ai là kẻ đã từng ngẫm-nghĩ về quá-khứ của dân-tộc ta hẳn đều công nhận thứ tiếng nô-m-na kia thực là cái dây linh-thiên buộc chặt lấy linh-hồn của tất cả người một nước trong buổi thịnh cũng như thời suy.

Vì một sự bất-công vô-lý thứ tiếng ấy đã bị hạ người thượng lưu trí-thức không màng-tưởng đến, trong khi tôn-trọng một thứ tiếng ngoại-quốc, hơn nữa, một thứ tử-văn. Tuy vậy, đời nọ trải đời kia, tiếng Nam vẫn sống còn, vẫn ngấm-ngâm phát-triển cho đến ngày nay để chúng ta hưởng-dụng và trân-trọng khác nào như hình-ảnh linh-hoạt của biết bao thế-hệ trước ta đã đào-tạo nên.

Hơn nữa thế-kỷ này, nước ta đã từ-giã cảnh cô-lập vô-ích để theo đà tiến-hóa chung của thời-đại. Bị kích-thích bởi luồng gió mạnh-mẽ của những tư tưởng mới, dân-tộc Việt-Nam – như nhiều phen trên lịch-sử – đã bừng tỉnh dậy và nhận chân cái mệnh-vận, cái tương-lai của mình. Một cuộc sinh-hoạt mới dần dần gây nên trong khắp mọi phương-diện, và dấu-hiệu rõ-rệt nhất là một cuộc phục-hưng về ngôn-ngữ và văn-học.

Tiếng Việt-Nam tỏ ra có tư-cách tiến-hóa phi-thường và có thể trở nên một thứ tiếng rất văn-hoa. Trong đời sống trí-thức của chúng ta, nó chiếm một địa-vị càng ngày càng trọng-yếu.

Nhờ ý-chí và lòng tin-tưởng của những thế-hệ thanh-niên kế-tiếp, tiếng Nam sẽ không bao giờ mai-một được !

Một nền văn-học trẻ-trung ra đời và phát-triển một cách mau chóng, mỗi ngày mỗi thêm vẻ giàu-thịnh tốt-tươi. Cái văn-học ấy sẽ mở cửa đón chào tất cả những luồng tư-tưởng mới của nhân-loại, nhưng bao giờ cũng vẫn giữ lẫn-vết của hai ảnh-hưởng lớn : cái khí-vị êm-đềm của nền học-thuật cổ Trung-hoa và cái tư-tưởng sán-lạn trong văn-học Pháp. Hai nguồn tư-tưởng ấy điều-hòa với bản-năng của dân-tộc ta để tạo thành một nền văn-học Việt-Nam, hiện giờ đã đem lại cho ta nhiều hứa-hẹn ở một tương-lai rực-rỡ.

**Những sách của thư-xã
Alexandre de Rhodes**

ĐÃ XUẤT BẢN

Kim-Vân-Kiều

(quyển nhất)

330 trang có nhiều tranh-ảnh,
theo bản Pháp-văn của ông Nguyễn văn Vĩnh

Loại giấy thường 2\$00

Loại đặc biệt 7.00

Quyển II (trọn bộ) sẽ xuất bản đầu năm 1948

*

Thơ Ngụ-Ngôn La Fontaine

Pháp-văn và bản dịch của ông Nguyễn văn Vĩnh
Mỗi bài đều có nhiều tranh ảnh của Mạnh Quỳnh (160 trang) 1\$00

Hạng giấy gió Đại-La Impérial 5\$00

Thư và mandat mua sách xin gửi về cho

Nhà in Mai-Lĩnh – Hanoi

Tổng phát-hành

**Tổng phát-hành của thư-xã
Alexandre de Rhodes
NHÀ IN MAI-LINH – HANOI**

tve-4U

CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Notes

[\[←1\]](#)

Chúng tôi tiếc không tìm lại được nguyên-văn những bài đại-luận giá-trị ấy nên chỉ tóm-tắt đại-ý mà thôi.

Table of Contents

TỰA

I. GIỚI-HẠN VẤN-ĐỀ

II. TIẾNG VIỆT-NAM VỀ QUÁ-KHỨ

III. SINH-LỰC TIẾNG VIỆT-NAM VÀ NHỮNG NGUYÊN-NHÂN GIÚP
SỨC PHÁT-TRIỂN CỦA NÓ Ở HIỆN-TẠI

IV. NHỮNG PHƯƠNG-PHÁP LÀM GIÀU THÊM TIẾNG

V. VẤN-ĐỀ SỬA ĐỔI CHỮ QUỐC NGỮ

VI. VẤN-ĐỀ XÁC-ĐỊNH VĂN-TỰ VÀ THỐNG-NHẤT NGỮ-NGÔN

VII. MỘT THỂ VĂN XUÔI VIỆT-NAM

VIII. KHÁI-LUẬN VỀ VĂN-HỌC VIỆT-NAM HIỆN-ĐẠI

IX. MỘT QUỐC-GIA VĂN-HỌC-VIỆN VIỆT-NAM

X. QUỐC-VĂN VÀ HÁN-VĂN TRONG CHƯƠNG-TRÌNH GIÁO-DỤC

XI. KẾT-LUẬN